

# NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA KINH SỐ

## QUYỂN HẠ

### PHẦN 2

**Kinh:** Trí tuệ sáng tỏ. Quán sát sâu xa.

Giải thích: Tên gọi; các hạnh đã tu, phước Tuệ vô lượng, đều đồng là chơn thật, thành tựu Hồi hướng này.

“Trí Tuệ sáng tỏ”: nghĩa là quán lý và sự hiểu sáng tỏ liễu rõ ràng.

“Quán sát sâu xa” Hành hợp với lý gọi là sâu xa. Không trụ có và không đều, tức là khéo quán sát. Dưới đây là phần chín - Về giải thoát không trói buộc, không chấp trước Hồi hướng.

**Kinh:** Tất cả hành nguyện, khắp đều tu tập.

Giải thích: Tên gọi không bị tướng trói, không chấp trước các kiến, mọi tạo tác tự tại, thành tựu Hồi hướng này.

“Tất cả hành”: là các hành như Bồ thí... “Tất cả các nguyện”: là nguyện rộng lớn cả hai thứ hỗ trợ nhau ắt cùng khởi.

“Kắp đều tu tập”: do không bị trói buộc chấp trước nên, giải thoát tự tại, vô lượng hạnh nguyện đều tu tập.

Dưới đây là phần mười vô lượng pháp giới bình đẳng Hồi hướng.

**Kinh:** Có thể làm Pháp sư, điều ngự hữu tình.

Giải thích: Tên gọi các hành đã tu, lia tướng rộng lớn, đều ngang bằng với pháp giới, thành tựu Hồi hướng này.

“Có thể làm Pháp sư”: là vì đắc vô ngại giải, khéo hóa độ, dẫn dắt.

“Điều Ngự hữu tình”: Diễn thuyết đúng với căn, khiến khéo điều phục, lợi lạc rộng lớn. Như kinh Hoa Nghiêm nói; như dải lụa lia sự nhớ nhớt mà bịt trên đỉnh đầu, trụ ngôi vị pháp sư, rộng hành pháp thí, khởi đại từ bi, an lập chúng sanh, đối với đạo Bồ-đề, thường tạo lợi ích,

không có nghĩ ngơi, dùng tâm Bồ-đề, nuôi lớn thiện căn, vì các chúng sinh mà làm thầy hướng dẫn (Điều ngự sư), chỉ bày cho con đường Nhất-thiết-trí. Đó tức là nói về Hạnh hóa Lợi kết thành tụng là:

Cứu hộ, chẳng hoại, tất cả bình đẳng  
Đến tất cả xứ và vô Tận  
Tùy Thuận, bình đẳng, tùy và cùng chơn thật  
Không nói, không chấp, bình đẳng, pháp giới.

Tiếp theo là phần hai - Nói đối trị (sở trị). Trong đó chia làm ba phần: 1. Sở trị; 2. Biện sai biệt; 3. Chỗ tu chuyển thắng.

Phần một - Sở trị.

**Kinh:** Khéo quán năm uẩn, ba cõi hai đế, không có tướng tự tha, chúng đặc tính như thật.

Giải thích: “Khéo quán năm uẩn...”: là như trên đã giải thích. Nghĩa là quán năm uẩn chứng đắc giải thoát uẩn, Quán Nhân quả trong ba cõi đặc các nhân, không... Quán hai đế giả thật đặc sinh vô sinh nhân.

“Không có tướng tự tha”: Nghĩa là quán các uẩn thấy đều chẳng trụ, không có năng sở không có tự, tha, tức là vô phân biệt. Văn lại chia làm ba phần: 1. Sinh trong ba cõi.

**Kinh:** Tuy thường tu Thắng nghĩa, nhưng thọ sinh trong ba cõi.

Giải thích: “Tuy thường tu thắng nghĩa...”: là giải thích sự thắc mắc nghi hỏi. Nghĩa là: Đã tu Hạnh thù thắng trước đây đều thuận với Thắng nghĩa thì sau này sẽ sinh ra ở đâu? Tuy thường tu tập đều thuận với Thắng nghĩa, nhưng do cảm sinh tử phân đoạn trong ba cõi, Tập chủng chưa mất, chưa lìa tướng trói buộc, cho nên Hạnh tu vẫn Sinh ra ở Ba cõi. Kinh nói ba cõi là nói theo Tướng chung, đa phần là chỉ sinh ở Dục giới, như tiếp sau sẽ rõ. Dưới đây là phần hai - Hỏi về nguyên do.

**Kinh:** Vì sao?

Giải thích: Là nêu hỏi. Tiếp theo là phần ba - Giải thích nguyên do.

**Kinh:** Vì quả báo của nghiệp tập chưa hoại hết, cho nên ở trong cõi người cõi trời, thuận đạo mà sinh.

Giải thích: Nói “Nghiệp Tập”: Đó là Nhân. Nói “Quả Báo”. Đó là làm Quả. “Chưa hoại hết”: là do chưa đoạn dứt nghiệp, làm Nhân cho sự cảm sinh. Vì phân đoạn sinh chưa hoại hết. “Ở trong cõi Trời, Người”: là chỉ thọ sinh tốt đẹp ở Dục giới: Trời, Người. Vì sao chẳng như hai ngôi vị trên mà chỉ Dục giới Trời Người. Vì có hiệu quán đây là kể với Sơ Địa chẳng phải hai bậc trước kia.

“Thuận đạo sinh”: Trái qua nhưng không quên Tính thành tựu, đó là chủng tính thẳng đến. Nếu người Hồi tâm thì trong phần Biến dị trước đã phân biệt rõ.

Tiếp theo là phần ba - nói Hạnh tu tập.

**Kinh:** Thượng phẩm tu tập tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật-đa.

Giải thích: Tam Hiền trở lên, các câu khác thì đã rõ.

Dưới đây là phần ba - Kết. Trình bày vị mãn. Trong đó chia làm ba phần: 1. Số kiếp phải trải qua.

**Kinh:** Ba A-tăng-kỳ kiếp, tu hành hai lợi, tạo ích rộng lớn.

Giải thích: “Ba A-tăng-kỳ”: là gia thêm một kiếp so với bậc thứ hai trước, tu đủ cả hai lợi, nhiều ích rộng lớn.

Kế đến là phần hai - Hạnh Xuất Ly.

**Kinh:** Đắc thiện điều phục các tam ma địa, trụ thẳng quán sát tu hạnh xuất ly.

Giải thích: “Đắc thiện điều phục”: là ở ngôi vị Tam Hiền, khéo điều phục.

“Tam ma địa”: Tiếng Hoa gọi là Đẳng Trì. Thường tương ứng tu các định thù thắng đã tu.

“Trụ quán sát thù thắng”: là Thượng, trung, hạ phẩm tu tuệ thù thắng vì dẫn đến Hạnh xuất ly ở Sơ Địa. Lại còn giải thích; tu hạnh hai lợi là làm ích lợi rộng lớn, đó là kết về vị Tư lương ở trên, đa phần là trụ Ngoại Môn, tu Hạnh Bồ-tát, sau câu “Đắc thiện điều phục” là văn nói về ngôi vị gia hạnh. Hai câu trước là nói về Định mà mình nương vào... “Đắc Thiện Điều phục” là đã đắc Thượng phẩm điều phục tâm. “Các Tam Ma Địa”: là đắc các Định Sở y. Cả bốn Định đó chẳng phải là một cho nên gọi là các Định. hai câu sau là nói các vị Noãn v.v... nương theo bốn tâm tư, bốn Như thật Trí, gọi là Quán sát thù thắng.

Dưới đây là phần ba - Kết. Các Địa thù thắng ở sau.

**Kinh:** Có thể chứng đắc địa Thánh nhân bình đẳng.

Giải thích: “Có thể chứng đắc bình đẳng”: là Biệt vô lậu trí, thân chứng Chơn Như. Như tức là bình đẳng Địa của Thánh Nhân.

Tiếp sau là phần bốn - Hoan hỷ Địa. Trong đó có ba phần: 1. Nhập Tướng Địa; 2. Trụ Địa tu hành; 3. Kết, nói vị viên mãn.

Trong phần một lại có ba phần: 1. Tướng Nhập Địa.

**Kinh:** Tiếp nữa là Bồ-tát Ma-ha-tát Hoan hỷ địa, vượt hạng ngu phu, sinh nhà Như Lai, trụ nhẫn bình đẳng.

Giải thích: Hễ sắp đăng Địa thì trước tiên phải có tướng lành. Như kinh Kim Quang Minh quyển bốn nói: Phật bảo Bồ-tát Sư Tử Tướng vô

Ngại Quang Diệm rằng: Nay người thiện nam! Bồ-tát Sơ Địa, trước tiên là hiện tướng tam thiên đại thiên thế giới vô lượng vô biên nhiều loại tạng, báu, đều tràn đầy, Bồ-tát đều thấy, điều đó giống với đoạn văn nói về Thập Địa trong kinh Đại bảo Tích quyển một trăm mười lăm, tức là tướng trước tiên.

“Hoan hỷ Địa”: là bắt đầu chứng đắc tâm xuất thế, xưa chưa đắc nhưng nay bắt đầu đắc nên sinh ra cực Hỷ. “Địa” đức hữu vi, vô vi làm tự tính, như trên đã giải thích.

“Vượt qua Địa Ngu phu”: Ngu, nghĩa là phạm ngu, vô minh làm Địa. Vô lậu đoạn dứt vô minh nên bảo là vượt qua.

“Sinh ở nhà Như Lai Nhiếp Luận của Vô Tánh nói: Phật pháp giới gọi là Nhà Như Lai, chứng hội với đó nên gọi là sinh. Sơ sinh Thánh thai, nối giòng giống Phật. Như kinh thập Địa nói: Quá Địa phạm phu, nhập vị Bồ-tát, sinh tại nhà Phật, chủng tính tôn quý.

“Trụ bình đẳng nhãn”: Chơn thì không có cao thấp, cho nên bảo là bình đẳng. Chánh trí chứng hội là nhãn Trụ vậy.

Dưới đây là phần hai - Như sở chứng.

**Kinh:** Thứ nhất là Trí vô tướng, chiếu Thắng nghĩa đế, nhất tướng Bình đẳng, chẳng phải tướng vô tướng.

Giải thích: “Thứ nhất là Trí vô tướng trí”. Nghĩa là chơn kiến đạo, vô phân biệt, chứng lý hai không. Trí đó là Trí đầu tiên cho nên gọi là thứ nhất.

“Chiếu Thắng nghĩa đế”: là chứng pháp tính như Thắng nghĩa chân thật mà hai “không” hiển hiện.

“Nhất tướng bình đẳng”: Trí Như chẳng hai, tức là Nhất tướng bình đẳng.

“Chẳng phải tướng vô tướng”: không có tướng của năng và Sở, tức là chẳng phải tướng vô tướng.

Dưới đây là phần ba - Chương sở đoạn.

**Kinh:** Đoạn các vô minh, diệt tham ba cõi, vô lượng sinh tử vị lai vĩnh viễn không sinh.

Giải thích: “Đoạn các vô minh”: là phân biệt khởi trong hai chương vô minh chẳng phải là một, cho nên gọi là các tuy chỉ nói là đoạn dứt vô minh những các chấp chương đều đoạn, vì chấp chương nương vào gốc vô minh, chỉ cần đoạn dứt vô minh thì các chương khác cũng theo đó mà đoạn dứt, cho nên chỉ nói là vô minh.

“Diệt Tham ba cõi”: Đó là cái mà tu đoạn. nghĩa là Tham phiền não và vô minh đều chương ngại Thí độ. Khi nhập Sơ Địa thì Tham thô

năng liền vĩnh viễn đoạn dứt.

“Vô lượng sinh tử vị lai vĩnh viễn không sinh”: Do phần biệt hoặc tạo ra mười ác và các Thiện nghiệp mà cảm vô lượng sinh tử ở cõi ác kia và các cõi Trời Trường Thọ ở Bắc cầu Lô Châu, khi nhập Sơ Địa thì mãi mãi không sinh. Như kinh Kim Quang Minh quyển bốn. Đoạn hai Vô minh: 1. Vô minh Ngã pháp chấp trước tướng có. Nghĩa là trong hai chướng chấp trước tướng có. Vì hai chấp làm gốc cho là Ngã, pháp tức giống với đây “Đoạn chư vô minh”; Vô minh sợ hãi sinh tử cõi ác: Nghĩa là cảm các nghiệp quả cõi ác tức là đây với vô lượng sinh tử vị lai.

Dưới đây là phần hai - Trụ Địa tu hành. Trong đó chia làm ba phần: 1. Tu bi trí; 2. Trí nhất dị; 3. Tu trí nguyện.

Phần bi trí, vẫn có ba phần:

- Tổng nêu bi trí.
- Tu hạnh thù thắng.
- Y Địa biện minh đức.

Dưới đây là phần một - Tổng nêu bi trí.

**Kinh:** Đại bi làm đầu, khởi đại nguyện, với Trí phương tiện, niệm niệm tu tập, vô lượng hạnh thù thắng.

Giải thích: “Đại bi làm đầu”: là gốc của lợi tha.

“Khởi các đại nguyện”: là chỗ nương của Hạnh, do Hạnh và Nguyện nương dựa duy trì lẫn nhau, cả hai điều đó cùng tu không khởi riêng biệt.

“Đối với phương tiện Trí”: là Trí thấu đạt tục. Như kinh Thập Địa nói: Đại bi làm đầu, trí tuệ tăng thượng là các trí thuộc về, phương tiện thiện xảo, sở nhiếp chư Trí. Theo kinh đó thì rõ ràng là nương vào Bi và Trí.

Niệm Niệm tu tập, tự lợi lợi Tha, vô lượng Hạnh thù thắng đều là Thiện xảo. Tiếp theo là phần hai - Tu Hạnh thù thắng, vẫn lại chia làm hai phần: 1. Tu khắp các hành.

**Kinh:** Học khắp tất cả, chẳng phải chứng, chẳng phải không chứng.

Giải thích: “Chẳng phải chứng”: là phương Tiện Trí. “Chẳng phải không chứng”: là hình ảnh. Nếu theo Bản ký thì trong chơn có Tục, cho nên bảo là chẳng phải chứng. Trong Tục có chơn cho nên là chẳng phải không chứng.

“Học khắp tất cả”: là Trú trong Địa này, một vô số kiếp, vạn hạnh trang nghiêm, tu học khắp. Như Thành Thật luận nói; Rộng học

Dị Luận ý biết khắp, Như kinh Thiện giới nói: Học khắp các luận Ngũ Minh... Lại nữa, Hoa Nghiêm quyển ba mươi bốn. Thập địa Luận quyển hai và ba đã nói chi tiết về Hạnh.

Kế đến là phần hai - Hưởng Nhất-thiết-trí.

**Kinh:** Hưởng Nhất-thiết-trí, chẳng phải trụ, chẳng phải không trụ.

Giải thích: “Phi trú”: là tu khắp các hành, chẳng trú dừng.

“Chẳng phải không Trú”: Với các hành tu, tâm không tán loạn thường tịch tịnh. “Hưởng Nhất-thiết-trí”: là các hành nguyện đã tu đều hưởng vào Nhất-thiết-trí.

Tiếp sau là phần ba - Y Địa biện minh đức. Trong đó có bốn phần:

1. Ma không thể động.

**Kinh:** Hành ở sinh tử, ma không thể động.

Giải thích: “Hành ở sinh tử” là xứ lợi sinh.

“Ma không thể động”: Nghĩa là bốn Ma, phiền não, uẩn, tử và Thiên, như phẩm Tự trên đã phân biệt rõ. Như Phật Địa Luận quyển một nói: Sơ Địa trở lên, các Đại Bồ-tát ở trong tịnh độ, lìa bốn ma thô, không năm sợ hãi. Tiếp phần hai: Lìa các sợ hãi.

**Kinh:** Lìa ngã, ngã sở, không có sợ hãi.

Giải thích: “Lìa ngã ngã sở” đã mãi mãi đoạn dứt những dấy khởi do phân biệt, không sợ hãi có năm: 1. Sợ không thể sống; 2. Sợ tiếng xấu; 3. Sợ chết; 4. Sợ ác đạo; 5. Sợ oai đức của đại chúng. Biện minh năm y. Thập địa Luận quyển hai nói: Năm sợ hãi này là chương của Sơ Địa. Loại một, hai năm là y nương vào Thân khẩu ý. Loại ba, bốn y nương vào Thân. Vì Thân có yêu ghét khác nhau. Nói rõ năm nhân, lược có hai loại: 1. Vì Tà Trí vọng thủ, tưởng kiến ái trước; 2. Thiện căn ít ỏi. Năng đối trị là như kinh Thập Địa và kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát đó lìa Ngã tướng, còn chẳng yêu Thân, huống nữa là tiền của, không sợ không thể sống, thì không mong cầu sự cúng dường ở người khác, chỉ chuyên thí cho tất cả chúng sanh, không sợ tiếng xấu, vì xa lìa ngã tướng, không có ngã kiến không có sợ chết, tự biết chết rồi chắc chắn không lìa chư Phật, Bồ-tát, không sợ ác đạo. Vì chí vui thích thế gian. Không có ai bằng, huống nữa là có hơn, nên không sợ oai đức của đại chúng, đây gọi chung là không còn sợ hãi.

Dưới đây là phần ba. Thường hóa độ chúng sanh.

**Kinh:** Không tướng tự tha, thường hóa độ chúng sanh.

Giải thích: “Không tướng tự tha”: là đặc vô phân biệt, chẳng trú

tướng.

“Thường hóa độ chúng sanh”. Như kinh Thập địa nói: lại phát Đại nguyện, chịu trôi buộc ở ba cõi, đi vào sáu cõi, tất cả sinh xứ, thuộc về danh sắc. Các loài như vậy, Ta đều giáo hóa, khiến nhập Phật pháp, đều khiến đọa dứt tất cả cõi thế gian. Khiến an trú đạo Nhất-thiết-trí. Cho đến tận hết đời vị lai, không bao giờ ngừng nghỉ. Đây là “thường hóa độ”. Dưới đây là phần bốn - Sinh chư Tịnh độ.

**Kinh:** Nguyện lực tự tại, sinh các cõi tịnh.

Giải thích: “Nguyện lực tự tại”. Nguyện do hành lực mà đắc tự tại.

“Sinh các cõi tịnh”: là cõi mà chư Phật thọ dụng.

Cõi tự thọ dụng của Bồ-tát đó với cõi xứ của chư Phật không có “Thể” khác nhau như đã phân biệt ở phần trên.

Hỏi: Cõi thọ dụng này, thể trạng ra sao? Nương theo đường, xe nào, được sinh?

Đáp: Như Phật Địa kinh luận quyển một nói: Tịnh độ của chư Phật, chu không giới hạn khó lường, vượt quá những xứ sở hành trong Ba cõi, hơn cả những sở khởi của xuất thế gian, lấy thức thanh tịnh tự tại cao tột nhất làm Tướng là chỗ mà Như Lai, thấy chỗ vẩn tạp của chúng đạ Bồ-tát. Lấy Đại niệ Tuệ hành làm con đường đi, Đại chỉ diệu Quán làm xe đi, đại không, vô nguyện, giải thoát làm cửa vào. Kinh này phần trên nói tu Tam thoát Môn, nay ở phần này lại nói Tự tại Nguyện lực rõ ràng là Nguyện do hành mà đắc tự tại, theo con đường và xe ấy được sinh đến.

Hỏi: Dựa vào đâu mà biết được họ sinh ra ở cõi này?

Đáp: Luận kia giải rằng: cõi tha thọ dụng, Bồ-tát đã vào địa mới được sinh.

Dưới đây là phần hai - Trí là một hay khác (Nhất Dị). Trong đó chia làm ba phần: 1. Căn bản Trí.

Kinh: Nay người thiện nam! Giác trí này chẳng phải Như, chẳng phải Trí, chẳng phải có, chẳng phải không, không có hai tướng.

Giải thích: “Giác trí thứ nhất này”: là Trí nhập Địa. Giác là Trí giác chiếu tức là chứng chơn Trí.

“Chẳng phải như, chẳng phải trí”: là cảnh và Trí đều không

“Chẳng phải có, chẳng phải không”: là có và không đều đều vắng lặng.

“Không có hai tướng”: là Năng và Sở cả hai đều mất, tức là thức thứ sáu và Thức thứ bảy quán sát bình đẳng, hai Trí phẩm này là khởi

đầu tiên.

Dưới đây là phần hai - Phương tiện Trí.

**Kinh:** Phương tiện diệu dụng, chẳng phải đảo, chẳng phải trụ, chẳng phải động, chẳng phải tĩnh.

Giải thích: “Phương tiện diệu dụng”: là Đạt Tục Trí. Thế đủ cả bốn đức cho nên bảo là Diệu dụng.

“Chẳng phải đảo”: là tuy mang tướng mà duyên không điên đảo.

“Chẳng phải trụ”: là vạn hạnh đều tu, chẳng trú vào một hạnh “Chẳng phải động”: là duyên với Như trước, trí không tán động. “Chẳng phải tĩnh” là Thừa đại Trí Đại bi, tu vô Trú. Lại nữa, câu đầu là khác với Ngoại đạo câu tiếp là khác với phàm Thiên, hai loại động và tịnh thì khác với Nhị Thừa, Họ không có trí đó, khác với ở đây.

**Kinh:** Hai lợi tự tại, như nước với sóng, chẳng phải một chẳng phải khác, Trí khởi các Ba-la-mật-đa, cũng chẳng phải một, chẳng phải khác.

Giải thích: “Hai lợi tự tại” chơn trí thì tự lợi, phương tiện trí thì lợi tha với hai lợi đó tác dụng tự tại

“Như nước với sóng”: là nêu dụ để giải thích thành. Nước dụ cho Bản Trí, sóng dụ cho hậu trí dụng của hai thứ đó như sóng nước.

“Chẳng phải một chẳng phải khác”: là do động tịnh khác nhau cho nên chẳng phải một Lìa nước thì không có sóng, cho nên chẳng phải khác (chẳng phải khác) tức là nghĩa hai trí chẳng phải một.

“Trí khởi các Ba-la-mật-đa cũng chẳng phải một Dị”: nương theo Trí khởi hành, hành và trí đều cùng khởi cũng như Nước và sóng chẳng phải một khác.

Dưới đây là phần ba - Tu Trí Nguyện. Trong đó chia làm hai phần:

1. Hạnh tu.

**Kinh:** Ở bốn A-tăng-kỳ kiếp, tu tập đầy đủ vạn vạn hạnh nguyện.

Giải thích: “Bốn A-tăng-kỳ” ngôi vị trước là ba, nay gia thêm một kiếp.

“Tu tập...” tu hành ở trong đây, khác với ngôi vị Hiền Theo Du-già Luận nói: vô số kiếp thứ nhất gọi là Ba-la-mật-đa, ở trong một Hạnh, tu một hạnh. vô số kiếp thứ hai gọi là cận Ba-la-mật-đa, ở trong một hạnh mà tu tất cả Hạnh. vô số kiếp thứ ba gọi là Đại Ba-la-mật-đa, ở trong tất cả hạnh mà tu tất cả hạnh. Giải Thâm Mật quyển bốn và Duy Thức quyển chín cũng nói giống vậy. Nay ở đây tu tập đó tức



là kiếp thứ hai, cho nên có khác với ngôi vị Hiền.

Dưới đây là phần hai - Trí Nguyên lực.

**Kinh:** Bồ-tát nơi địa này, không có nghiệp tập của Ba cõi, càng không tạo thêm mới, do tùy Trí lực để nguyện sinh.

Giải thích: “Không có Nghiệp Tập của ba cõi”. Nghiệp là hành, Tập là Tập khí, tức chung chủng tử và hiện hành không còn.

“Càng không tạo thêm nghiệp mới”. Mê lý vô minh chuyển phát nghiệp mới.

Đã đoạn dứt nghiệp cũ, không tạo thêm nghiệp mới. Từ đây về sau cho đến Địa thứ mười những hạnh nguyện mà mình tu đều không chiêu cảm sinh do bởi bắt đầu nhập Địa thì vô minh bị đoạn.

Hỏi: Nếu vậy, vô minh ở địa sau khác với trước ra sao? Bồ-tát vào Địa hiện những tham, sân,... chẳng phải là nghiệp sao?

Đáp: Vô minh ở Địa sau, chỉ là câu sinh hoặc, tuy có nhưng không khởi, không phải phát nghiệp. Lại nữa, chư Bồ-tát hóa độ nhiều loại tính dục của chư hữu Tình, duyên để giáo hóa không chỉ là một, do lực đại bi mà hiện tham sân. Như kinh Hoa Nghiêm quyển sáu mươi tám nói về Bà tu mật nữ, quyển sáu mươi sáu nói về vô Yểm Túc vương, mỗi vị đều đắc vô lượng Tam muội chẳng giống bất thiện như mình thấy.

Hỏi: Nếu vậy, những báo tốt đẹp ở Địa phải là không có Nhân.

Đáp: Cũng không phải vậy. Do vô minh của các ngôi vị tư lương... thuộc Địa tiền phát hành làm nhân.

“Do tùy trí lực để nguyện sinh”. Các sư ở Tây phương có hai giải thích. Có thuyết nói: Do người tiếm ngộ và Trí tăng thượng nên đoạn dứt phiền não do tái sinh, không còn phân đoạn sinh trong Ba cõi. Quả báo của mười vua do tùy Trí lực và Định nguyện vô lậu mà thọ biến dịch sinh. Vì nếu không vậy thì phải không có mười vua kia. Nếu sinh ở ngoài ba cõi chẳng phải cảnh phàm thì chư Phật, Bồ-tát phải chẳng thấy. Có thuyết nói; có một Luận sư tên là Điều phục Quang dựa vào kinh Giải Thâm Mật mà nói như sau: một loại người do đốn ngộ mà bị tăng thượng những huân tập ở Địa tiền chiêu cảm thân thù thắng, nhân đó, lưu lại các Hoặc chủng thuộc sự, tùy theo nguyện lực thối nhuần ở đó mà sinh. Địa thứ tám trở lên thì chỉ có Biến hóa sinh tùy địa định, tán đều có thể thấy. Vì vậy địa trước, quả mười vua đều là thật sự sinh.

Dưới đây là phần ba - Kết. Địa mãn.

**Kinh:** Niệm niệm thường hành Đàn Ba-la-mật đa, Bố thí, Ái ngữ Lợi hành, Đồng sự, thanh tịnh rộng lớn, khéo có thể an trú, tạo lợi ích cho chúng sanh.

Giải thích: “Niệm niệm thường hành”: trong mười Độ nghiêng nhiều về đàn độ bố thí tài, pháp, vô úy để làm viên mãn tu, những độ khác chẳng phải là không tu nhưng tùy theo khả năng.

“Bố thí, Ái ngữ...” Tu tập rộng lớn đều là thanh tịnh ở đây có hơi khác với Thập Địa Luận nói; dùng hai nhiếp pháp để thủ giữ chúng sanh là Bố thí và Ái ngữ, còn hai nhiếp sau chỉ tín giải lực hành chưa thông đạt.

“Khéo an trú...”: là Kết, Viên Mãn.

Dưới đây là phần năm - Ly cấu Địa văn có ba phần như trên: 1. Nêu nhập tướng địa.

**Kinh:** Tiếp nữa là Bồ-tát Ma-ha-tát Ly cấu địa, bốn tâm vô lượng, tịch diệt tối thắng, đoạn tập của sân v.v...

Giải thích: Là nói về nhập Địa. Như kinh Kim Quang Minh nói; Nhị Địa Bồ-tát Hiện trước tiên là tướng này, Tam thiên đại thiên thế giới đất bằng phẳng như lòng bàn tay, đồ dùng để trang nghiêm thì vô lượng vô biên trân bảo thanh tịnh nhiều loại diệu sắc.

“Ly cấu Địa” các cấu vi tế tội lỗi phạm giới đều đắc thanh tịnh gọi là vô cấu.

“Bốn vô lượng tâm”: Nghĩa là ở Địa này đoạn dứt Tập khí các sân bốn vô lượng tương ứng với tâm nhập Địa mà khởi.

“Tối thắng tịch diệt”: là chứng Như. Đây giống với tối thắng Như trong nhiếp Luận. Nghĩa là có đủ vô biên công đức thù thắng. “Đoạn tập sân...”: là Sở đoạn. Tập là tập khí, chữ Tập ở đây có hai nghĩa:

1. Chủng tử phiền não của Sân...; 2. Tính chất không tự tại do sân... huân nhiễm sâu nặng. Chữ “Đẳng” v.v... cũng có hai nghĩa: Đẳng thứ nhất là: Các tùy phiền não phẩm, nhuế, hại... Đẳng thứ hai là: những thứ đó cùng có tri chướng và sở đoạn. Ở đây lại có hai nghĩa như kinh Kim Quang minh nói: Một là Vi tế Học xứ lâm phạm vô minh tức là một phần câu sinh của địa này. Hai là vô minh phát khởi nhiều loại nghiệp hành. Tức là lâm phạm ba Nghiệp khởi do vô minh. Những vô minh này đều chướng Thi La hết sức thanh tịnh của Địa thứ hai. Khi vào nhập Địa thứ hai thì đều đoạn dứt mãi mãi.

Đoạn sai biệt là: ở đây chỉ câu hữu sân... chỉ đoạn dứt Tính thô trọng không tự tại, không đoạn dứt chủng. Vì chủng sân... thuộc tu sơ đoạn. Duy Thức quyển mười nói: về Tu sở đoạn thì Địa tiền phục dần dần, Sơ Địa trở lên nhanh chóng phục hết khiến vĩnh viễn không hiện hành, trong những địa trước Địa thứ bảy tuy tạm hiện khởi nhưng không bị lỗi lầm, Địa thứ tám trở lên thì rất ráo không hiện hành nữa trong cả

địa thứ mười thì không đoạn dứt chủng, đạt đến Kim cang định thì tất cả được nhanh chóng đoạn trừ.

Hỏi: Sở Tri chướng đó và Sân thô trọng, cả hai loại bất đồng đều bị đoạn dứt cùng lúc sao?

Đáp: Nói về sở đoạn, hai loại tuy là khác nhau nhưng chẳng phải là ngoài chướng riêng khởi vô gián, đoạn sân thô trọng mà chúng từ vô thủy đến nay đều câu hữu với Sở tri và lấy sở tri chướng làm gốc. Dùng đạo vô gián đoạn gốc chướng đó cho nên trong giải thoát đạo, tính thô trọng của Sân và Tính thô trọng của sở trí chướng đều cùng lúc xả bỏ.

Riêng về thời gian đoạn: khi vô gián đoạn khởi thì chủng của chướng không còn nữa, nhưng chưa xả bỏ tính chất không tự tại kia. Vì xả bỏ tính này, cho nên khởi giải thoát đạo. Giải thoát đạo khởi chẳng phải chỉ vì tính này. Cho đến chứng trạch diệt vô vi của phẩm này, thì tính chất không tự tại và đạo vô gián đều diệt mà chướng vô vi, đặc sinh cùng một lúc với giải thoát Đạo. Ở trong địa thứ mười hai chướng Sở đoạn đoạn chủng và đoạn tập cho đến đạo vô gián giải thoát năng đoạn đều dựa theo trên thì rõ.

Tiếp là phần hai - Trụ Địa tu hành. Trong đó chia làm hai phần:  
1. Tu hạnh Thập thiện.

**Kinh:** Tu tất cả hạnh là: lìa xa sát hại, không cho thì không lấy, tâm không nhiễm dục, đắc ngữ chơn thật, đắc ngữ hòa hợp, đắc ngữ nhu hòa, đắc ngữ điều phục, thường hành tâm xả, thường khởi tâm từ trú tâm chánh trực.

Giải thích: “Tu tất cả hạnh” đó là nêu chung.

“Là...” Nói về Thập thiện. Ba điều đầu là Thân nghiệp lìa sát đạo dâm, bốn điều tiếp là khẩu nghiệp, xa lìa lời nói giả dối ly gián, thô xấu, tạp ược, ba điều sau là ý nghiệp; lìa các bất thiện căn tham, sân, si. Nghĩa là Bồ-tát này, Giới Độ viên mãn ba nghiệp thanh tịnh có đủ Thập Thiện.

Biện minh Thể của thập thiện: Hữu Tông cho là bảy sắc và ba tâm sở. Kinh bộ Tông thì duy chỉ là tư vận thân, phát ngữ, suy Tính quyết định cả ba tác động là ba. Đại Thừa thì cũng là Tư, giả cũng là sắc.

Biện minh sai biệt như Thập Địa kinh Luận quyển bốn nói: bởi tập nhân duyên thập thiện nghiệp Đạo mà sinh ra ở cõi Người đến hữu đĩnh xứ. Lại nữa, Thượng phẩm thập thiện nghiệp đạo này và Trí tuệ quán hòa hợp nhau mà tu hành nhưng vì tâm đó hẹp hòi. Vì chán ghét sợ hãi ba cõi vì xa lìa Đại Bi vì từ người khác nói giáo pháp mà ngộ hiểu cho nên thành là thanh văn Thừa. Lại nữa, Thượng phẩm Thập Thiện

ngiệp đạo này tu trị thanh tịnh, không do lời dạy của Người khác mà tự giác ngộ, nhưng vì không đầy đủ phương tiện Đại Bi, nhờ Ngộ hiểu sâu xa pháp Nhân duyên, nên thành là Độc giác Thừa. Lại nữa, Thượng phẩm Thập thiên nghiệp Đạo này, tu trị thanh tịnh, tâm rộng vô lượng đầy đủ thương xót, thực hành phương tiện phát sinh đại nguyện không xả bỏ chúng sanh, mong cầu đại trí của chư Phật tịnh trị các Địa Bồ-tát Tịnh tu tất cả các Độ thành tựu hạnh rộng lớn của Bồ-tát. Lại nữa, Thượng phẩm Thập Thiên nghiệp Đạo, nhất thiết chứng thanh tịnh, chứng mười lực, bốn vô úy, tất cả Phật pháp đều thành tựu. Đó tức là nói đầy đủ các thứ, các Thừa, cho đến Phật quả đều do Thập Thiện. Trái với đó là quả mười bất thiện. Có ba loại Dị thực quả. Kinh kia tiếp đó nói: Thượng phẩm Thập bất thiện nghiệp đạo thì làm nhân Địa ngục trung phẩm thì làm nhân súc sanh, phẩm làm Nhân Ngạ Quỷ. Do đó mà bị sinh ra trong ba nẻo ác. Do quả đẳng lưu nên sinh trong loài người thì sát sinh có hai hai quả: Đoản mệnh và nhiều bệnh Trộm cắp có hai quả: nghèo khổ mất tiền tài, không tự tại Dâm có hai quả; vợ không trinh lương, không được được quyến thuộc tùy ý. Nói lời giả dối có hai quả: hay bị phí báng bị người khác lừa phỉnh. Ly gián có hai quả: quyến thuộc xa lìa trái khuấy thân tộc tệ ác. Thô ác có hai quả: thường nghe tiếng xấu lời nói hay bị tranh tụng. Tạt uế có hai quả: lời mình nói không có ai nghe nhận, lời nói không rõ ràng. Tham dục có hai quả, tâm không tri túc, đa dục không chán. Sân Nhược có hai quả: thường bị người khác phê bình, lại thường bị người khác nã hại. Tà kiến có hai quả: Sinh ra trong nhà tà kiến, tâm Siểm khúc cong vẹo. Đó tức là Đẳng lưu Quả trong cõi người. Tăng Thượng Quả là như Luận Bà-sa nói: Thân không bóng lảng thường bị mụn nhọt, thân nhiều bụi nhơ miệng thường hôi thối,... tức là Tăng Thượng Quả trong cõi người. Kinh đó kết rằng: mười bất thiện Đạo có thể sinh ra vô lượng vô biên nhiều tu khổ lớn. Vì vậy nên lìa xa. Mười thiện nghiệp là vườn pháp đẹp, thường tự an trú cũng khuyên người khác an trú.

Dưới đây là phần hai - Lý Quá tu hành.

**Kinh:** Tịch tĩnh thuần thiện, lìa cấu nhiễm phá giới hành quán đại từ, niệm niệm hiện tiền.

Giải thích: “tịch tĩnh thuần thiện” là ba Nghiệp Tịch tĩnh lìa huyên não, loạn động Thập Thiện không tạp tức là thuần Thiện.

“Lìa cấu nhiễm phá giới”: là Hạnh thanh tịnh.

“Hành Đại từ Quán”: là được định thù thắng.

“Niệm Niệm hiện tiền”: là không có gián đoạn.

Dưới đây là phần ba - Kết. Trình bày Địa viên mãn.

**Kinh:** Ở năm A-tăng-kỳ kiếp, đầy đủ thanh tịnh giới Ba-la-mật đa ý chí dững mãnh, lìa hẳn các nhiễm.

Giải thích: “Năm A-tăng-kỳ” trước là bốn, nay gia thêm một kiếp.

“Đầy đủ...” tăng thiên về giới độ còn các độ khác thì tùy phần.

“Ý chí dững mãnh”: là hạnh không có thối lùi.

“Lìa hẳn các nhiễm”: là thanh tịnh viên mãn.

Dưới đây là phần sáu - Phát Quang Địa. Văn lại chia làm ba phần như trên. 1. Nêu tướng nhập địa.

**Kinh:** Tiếp nữa là Bồ-tát Ma-ha-tát Phát quang Địa, trụ không phân biệt, diệt vô minh ám.

Giải thích: Tướng nhập Địa Như kinh Kim Quang Minh nói: Bồ-tát địa thứ ba tướng ấy trước hiện tự thân dững kiên giáp phục trang nghiêm tất cả giặc oán đều bị chế phục. Bồ-tát thấy rõ.

“Phát Quang Địa”: là vô lượng trí tuệ, Tam muội quang minh không thể khuynh động không ai có thể bề gãy chế phục được lấy văn trì Đà-la-ni làm căn bản, gọi là phát Quang Địa.

“Trụ vô phân biệt”. Nghĩa là ngay khi nhập Địa thì vô phân biệt trí. Chỉ nói Trí Năng chứng ắt phải có Như sở chứng. Theo Duy Thức luận Bồ-tát nơi Địa này chứng Thắng Lưu chơn Như. nghĩa là giáo pháp chảy ra từ chơn như đó so với các giáo pháp khác là cực kỳ thù Thắng. nghĩa là do ba Tuệ đặc được từ Địa này thấu rõ pháp Đại Thừa mà chứng chơn như căn bản của giáo pháp đó.

“Diệt vô minh ám”: là nói đoạn chướng. Nghĩa là nhập Địa này, đoạn dứt chướng ám độn. Trong sở tri chướng câu sinh một phần chướng ba Tuệ thù thắng phát ra do Định thù thắng Tổng Trì ở Địa thứ ba đó. Như kinh Kim Quang Minh nói: Có hai vô minh: 1. Trước chưa ái, nay ái tức là vô minh nghĩa là chướng hai định thù thắng và tu Tuệ. Ái là phiền não câu hữu vô minh đều là năng chướng; 2. Có thể chướng tổng Trì thù thắng. Nghĩa là chướng Tổng trì văn, tư, Tuệ. Tiếng phạm gọi là Đà-la-ni, tiếng Hoa gọi là Tổng Trì, Niệm Tuệ làm Thế. Theo Địa Trì Luận thì có bốn loại: 1. Pháp Trì: trì danh cú văn; 2. Nghĩa Trì: trì nghĩa đã thuyên giảng; 3. Từ vô ngại giải; 4. Biện tài không dứt. Do đặc nhãn Trí mà không quên bốn Tổng Trì này. Địa này đối với pháp, chí câu không bao giờ mệt, như Thập Địa Luận quyển năm nói; giả sử tam thiên Đại thiên thế giới, đầy lửa lớn, chạy qua đồng lửa đó để cầu một câu pháp mà Phật đã thuyết.

Dưới đây là phần hai - Trụ Địa tu hành. Trong đó chia làm ba phần: 1. Đắc Ba Minh.

**Kinh:** Ở hẳn vô tướng mà đắc Ba Minh, biết rõ ba đời vô lai, vô khứ.

Giải thích: “Ở hẳn vô tướng”: là Trí duyên với vô tướng, gọi là vô tướng hẳn. “Mà đắc Ba Minh”: 1. Túc Trú Trí Minh; 2. Tử-sinh-trí Minh; 3. Lậu-tận-trí-minh. “biết rõ ba đời vô lai vô khứ”: là do ba Minh đó, đầu tiên là biết quá khứ, tiếp đến là biết vị lai, sau là biết hiện tại, biết rõ ba đời, đạt thể nó là “không”, không đến không đi.

Dưới đây là phần hai - Định Sở Tu.

**Kinh:** Nương theo bốn Tĩnh lự, bốn định vô sắc, vô phân biệt trí, thứ lớp tùy thuận.

Giải thích: “Nương bốn tĩnh lự, bốn định vô sắc”. Tĩnh lự và Vô sắc như trên đã giải thích. Định Địa của hai giới gồm có tám loại sai biệt bảy loại trước mỗi loại có ba vị tịnh vô lậu, do phạm thánh khác nhau. Hữu đỉnh chỉ có hai không có vô lậu.

“Vô phân biệt Trí”: Tức là gia hạnh căn bản hậu đắc đều là vô phân biệt.

“Thứ đệ tùy thuận”: là Hậu đắc trí. Vì sao biết vậy? Vì Gia hạnh trí dẫn căn bản, căn bản Trí phẩm chứng chơn lý chỉ Hậu Đắc trí, nhiều loại tu hành đạt ở tám Địa thì đều tu tập. “Tùy thuận” nghĩa là tu tập từ dưới lên trên, tùy thuận hướng vào như “tu siêu đẳng chí” trong quyển hai mươi tám của câu xá Luận. Luận đó tụng rằng:

*Hai loại định thuận nghịch  
Đều gián, thứ và siêu  
Chí gián, siêu được thành.*

Với tám Địa trước thì thiện căn bản, Đẳng chí chia làm hai loại: 1. Hữu hậu; 2. Vô lậu. Hướng lên gọi là Thuận, trở xuống gọi là Nghịch. Đồng loại gọi là đều, khác loại là gián, gần nhau gọi là Thứ vượt một gọi là Siêu. Ý chí gián được thành: Nghĩa là người Quán hành khi tu siêu định, đối với Bát Địa Hữu lậu, thuận nghịch đều thứ, hiện tiền thường tập, vô lậu thất Địa thì thuận nghịch đều thứ, lậu vô lậu Địa thì thuận nghịch gián thứ. Với hữu Lậu Địa thì Thuận nghịch đều Siêu. Với vô lậu Địa thì thuận nghịch đều siêu hiện tiền thường tập gọi là gia hạnh mãn, vô lậu Đẳng chí. Thuận nghịch gián siêu gọi là siêu được Thành. Đó tức là tùy thuận kinh Đại Bát-nhã Bồ-tát Ma-ha-tát Sư Tử Tán Thân Tam Ma Địa, tập Tán tam ma địa đến đoạn sau sẽ rõ. Như Thập địa Luận nói; Bồ-tát nơi địa này vì nghĩa gì mà nhập Thiền vô sắc,

vô lượng thần thông? Vì năm loại chúng sinh: 1. Vì những chúng sinh yêu thích Thiên mà kiêu mạn nên nhập các Thiên; 2. Vì những chúng sanh giải thoát mà kiêu mạn nên nhập Vô sắc định; 3. Vì những chúng sinh khổ não khiến an ở Thiên xứ mãi mãi cho lạc vì để giải nỗi khổ của họ khiến không thọ nhận mà nhập các Thiên Định khởi từ Bi vô lượng; 4. Vì những chúng sanh đã đắc giải thoát nên nhập Hỷ xả vô lượng; 5. Vì những chúng sanh quy y Tà mà nhập thần thông khiến họ chánh Tín. Địa này gặt được Bất Thối Thiên cho nên gọi là Tam muội Địa Tiên Địa, bốn môn trong năm loại trên là thuộc đoạn này môn thứ năm thần thông là thuộc đoạn sau.

Dưới đây là phần ba - Đắc Ngũ Thông. Trong đó chia làm hai phần: 1. Nêu chung các Định.

**Kinh:** Đây đủ Định thù thắng đắc năm thần thông.

Giải thích: “Đây đủ định thù thắng”: là tám Định trước bốn định đầu là chỗ nương của năm thần Thông.

“Đắc năm Thần thông”: Đó là nêu chung. Dưới đây là phần hai- Nói riêng về năm thông.

**Kinh:** Hiện thân lớn nhỏ, ẩn hiển tự tại. Thiên nhãn thanh tịnh, thấy rõ các cõi. Thiên nhĩ thanh tịnh nghe hiểu nhiều tiếng. Dùng Tha tâm trí biết tâm chúng sanh, có thể biết được vô lượng sai biệt về đời trước.

Giải thích: Trong năm thứ đó, loại một, ba, bốn là cảnh duy chỉ hiện tại. Vì hiện nghe, biết đều là hiện tại. Giới hạn của cảnh là như phần trước của kinh đã nói; muôn cõi nước Phật. Loại thứ năm là biết Quá khứ. Như Thập Địa kinh nói: Như thật niệm, biết vô lượng trăm ngàn vạn ức na do tha kiếp, quá khứ. Loại thứ hai là biết vị lai như nghĩa của biết Quá khứ.

Lại nữa, Thập Địa Luận nói về Trí, kiên thì bốn thông là trí, loại thứ năm là kiến. Nhưng Thập Địa Luận liệt kê năm thông là: 1. Thần thông; 2. Nhĩ thông; 3. Tha tâm thông; 4. Túc mệnh thông; 5. Thiên nhãn thông. Theo thứ tự đó mà nói về Trí và kiến thì khác với ở đây. Về ba Nghiệp khác nhau là: Luận đó tiếp theo nói; Thần thông đầu tiên là Thân nghiệp thanh tịnh. Thiên nhĩ và Tha tâm là khẩu nghiệp thanh tịnh. Túc mệnh tử sinh là ý nghiệp thanh tịnh. Về sở tri khác nhau là; thần thông thứ nhất là có thể vận thân đến chỗ chúng sanh hiểu ý một cách nhanh chóng. Thiên nhĩ trí thông có thể biết nghĩa âm thanh thuyết pháp. Tha tâm thông thì tùy theo các âm thanh lời nói đều biết hết. Theo với nghĩa đó nhiều loại tên khác lạ, tùy theo chúng sanh mà

thuyết. Hai thông Quá khứ và vị lai thì biết hết Quá khứ vị lai của chúng sanh mà thọ hóa.

Dưới đây là phần ba- kết về địa viên mãn.

**Kinh:** Đối với sáu A-tăng-kỳ kiếp, hành tất cả nhân Ba-la-mật đa, đắc Đại Tổng trì, lợi ích an lạc.

Giải thích: “Sáu A-tăng-kỳ”; là như trên gia thêm “Nhân Ba-la-mật”; thiên mạnh ở Độ này chẳng phải là không tu các Độ khác mà tùy theo lực phần. “Đắc Đại tổng trì”; bốn loại như trên đều được viên mãn.

“Lợi ích an lạc”; là kết lợi tha

Dưới đây là phần bảy- Nói về Diệm Tuệ Địa. Văn có ba phần như trên:  
1. Nêu tướng nhập Địa tướng.

**Kinh:** Tiếp nữa là Bồ-tát Ma-ha-tát Diệm tuệ địa tu hành Thuận nhãn, không có gì nhiếp tha vĩnh viễn đoạn trừ thân biên kiến vi tế.

Giải thích: Về nhập Địa, như kinh Kim Quang Minh nói: Bồ-tát địa thứ tư trước tiên là hiện tướng này; bốn phương phong luân nhiều loại diệp hoa đều rải đầy trên Địa Bồ-tát thấy rõ

“Diệm Tuệ Địa”: là dùng lửa trí tuệ thiêu đốt các phiền não tăng trưởng quang Minh tu giác phần.

“Tu hành Thuận nhãn”: là Hạ phẩm nhãn trong nhãn thuận thứ ba. Tu là tu tập. Hành là Tiến thứ chữ nhãn là tên gọi chung. Nay Nhập Địa này trí chứng như gọi là Thuận nhãn mới bắt đầu chứng lý này nên nghĩa nhãn mạnh.

“Không có gì nhiếp thọ”: là Như sở chứng. nghĩa là chơn như đó không hề trói buộc lệ thuộc chẳng lệ thuộc Ngã chẳng phải là chỗ nương lấy do Ngã chấp.

“vĩnh viễn đoạn vi tế thân biên kiến”; là chương sở đoạn nghĩa là ý thức cùng tu đoạn phiền não thân biên kiến của Tu đoạn. Nói vi tế; là Thân biên kiến này là phẩm thấp nhất vì duyên với chẳng tác ý vì nó xa tùy hiện hành, cho nên gọi là vi tế. Nó làm chương Bồ-đề phần pháp ở Địa này khi nhập vào Địa này liền vĩnh viễn đoạn dứt. Kiến cùng với vô minh thành là sở tri chương. có hai loại: như kinh Kim Quang minh nói: 1. Đắm vị Đẳng chí vui mừng là vô minh: Tức gồm có ái định ở trong Địa này ở trong định thanh tịnh mà sinh ra đắm trước; 2. Vi diệp tịnh pháp yêu thích là vô minh: tức gồm có ái pháp ái trong đó. Tịnh pháp nghĩa là chơn như pháp và Bồ-đề phần pháp mười hai phần giáo pháp. Cả hai vô minh đó thành ra là sở tri chương, tương ứng với hai ái phiền não kia. Lại nữa, cả hai vô minh từ vô thủy đến nay càng nhận



vận trong ý thức mà sinh ra hai kiến thân biên tương ứng mà dấy khởi. Nay nhập Địa này vì vô minh đoạn dứt nên hai ái kiến vĩnh viễn không hành. Đoạn chủng đoạn hiện dựa theo giải thích trên thì rõ.

Địa này khác với ba Địa trước là: Ba địa trước hành Thí, Giới tu thì tương đồng với thế gian. Nay Địa thứ tư này đã đắc vô lậu Bồ-đề phần pháp gọi là xuất thế gian.

Dưới đây là phần hai - Trụ Địa tu hành. Trong đó chia làm ba phần: 1. Nêu hành Sở Tu.

**Kinh:** Tu tập vô biên pháp Bồ-đề phần.

Giải thích: Nói “Tu Tập”: là như Thập Địa Luận nói; trong địa này Tu Bồ-đề phần hành tướng vô biên hoặc là lợi vô biên hoặc liền hưởng đến quả đức vô biên, gọi là vô biên.

“Phần”: Nghĩa là Nhân, cũng có nghĩa là chi phần, hưởng đến mỗi mỗi quả quả phần, gọi là phần pháp.

Dưới đây là phần hai - Nói về Bồ-đề phần.

**Kinh:** Niệm xứ, Chánh cần, Thần túc. Căn, Lực, Giác, Đạo, đầy đủ.

Giải thích: “Niệm xứ,...” Ba thứ đầu mỗi thứ có bốn, hai thứ tiếp mỗi thứ có năm, thứ tiếp theo (giác) có bảy, thứ sau cùng (Đạo) có tám cộng lại thành ba mươi bảy. Liệt kê tên gọi và xuất thế đã nói ở phần phẩm Tự trên. Những thứ tu ở Địa này đều là vô lậu như kinh Thập Địa; tu Niệm, Trú, Căn, mỗi thứ đều bảo là trừ bỏ tham lam lo buồn ở thế gian, từ phần thần túc trở về sau đến hết Bát chánh Đạo, mỗi một thứ đều có đủ bốn điều; y chỉ yếm, y chỉ ly, y tâm diệt, y chỉ xả. Kinh Hoa nghiêm nói: Hồi hướng ở xả. Như Luận sa bà nói: Tuệ duyên với khổ, Tập, gọi là yếm (chán). Năng đoạn hoặc đạo gọi là ly, bởi lìa phiền não. diệt nghĩa là Hoặc không còn nữa, Lý của diệt được hiển rõ. Xả: nghĩa là đại xả, vì trú tịch tịnh. Nói chi tiết như trong Câu xá Luận quyển hai mươi lăm phần thứ mười nói về Đối pháp.

Dưới đây là phần ba - Quả hưởng đến.

**Kinh:** Vì muốn thành tựu lực, vô sở úy, Phật pháp bất cộng.

Giải thích: Vì hưởng đến quả Phật. Văn để hiểu đã rõ.

Dưới đây là phần hai - Thời gian trải qua viên mãn Địa.

**Kinh:** Ở bảy A-tăng-kỳ kiếp, tu tập vô lượng tinh tấn Ba-la-mật đa, xa lìa biếng trễ lợi khắp chúng sanh.

Giải thích: “Ở bảy A-tăng-kỳ kiếp” gia thêm như trên.

Nói “Vô lượng”: là chúng hạnh rộng lớn, tu tập bất thối đều là tinh tấn, nghiêng về Độ này các độ khác thì tùy phần lực.

“Viễn ly giải đãi”: vĩnh viễn đoạn dứt các chướng.

“Phổ lợi chúng sanh”: là bình đẳng lợi Tha.

Dưới đây là phần tám - Nan thắng địa. Văn có ba phần như trên:

1. Nêu tướng nhập Địa tướng.

**Kinh:** Tiếp nữa, là Bồ-tát Ma-ha-tát Nan thắng địa, dùng bốn vô úy tùy thuận chơn như, thanh tịnh bình đẳng, tướng không sai biệt đoạn thuận vui cầu Niết-bàn.

Giải thích: Tướng nhập Địa là như kinh Kim Quang minh nói: Bồ-tát địa thứ năm, trước tiên là hiện tướng này; Có Diệu Bảo nữ, các anh lạc báu, trang nghiêm toàn thân, đầu đội danh hoa, để làm trang sức, Bồ-tát thấy rõ.

“Nan thắng Địa”: là tu hành phương tiện, thắng trí tự tại, đắc được những thứ khó đắc, gọi là Nan Thắng Địa.

“Dùng bốn vô úy”. Đây có hai loại: 1. Bốn vô úy của Phật Quả Nhất-thiết-trí vô úy, Lậu tận vô úy. Chướng Đạo vô úy, xuất khổ đạo vô úy; 2. Bốn vô úy của Bồ-tát: Văn trì vô úy, giải thoát vô úy chúng vô úy, Đáp nạn vô úy như trên đã giải thích. Nếu bốn loại sau chuyển được tăng tiến, rộng hành lợi lạc, gia hạnh dẫn phát thì nhập Địa này, như bốn loại trước. Do trong Địa này, trí năng chứng và chướng sở đoạn biết phần chướng đạo và xuất đạo ở trong các Địa đều đồng một quả, gọi là vô úy.

“Tùy thuận chơn Như”: Là như Thập Địa Luận quyển tám nói: Tùy thuận bình đẳng chơn như pháp, theo Luận đó thì Trí Năng chứng tùy thuận bình đẳng chứng lý Chơn như, là trung phẩm Thuận nhãn.

“Thanh tịnh bình đẳng, vô sai biệt tướng”: là Như Sở chứng. Nhiễm và Tịnh đều bình đẳng, không có sai biệt khác nhau, chẳng phải như nhãn, nhĩ, tỉ... có sai biệt khác nhau.

“Đoạn thuận vui cầu Niết-bàn của tiểu thừa”: là chướng sở đoạn nghĩa là trong địa trước tu Bồ-đề phần, tuy đắc vô lậu do sở tri chướng khiến thiện tâm... có sự vui, ghét, giống với hàng Tiểu thừa kinh. Kim Quang Minh nói: 1. Muốn bỏ sinh tử vô minh; tức là chán sinh tử trong đoạn văn này; 2. Mong hưởng Niết-bàn vô Minh: Tức là vui thích với Niết-bàn ở đoạn văn này. Cả hai vô minh đó làm chướng đạo vô sai biệt ở Địa thứ năm. Khi nhập vào Địa thứ năm thì đoạn dứt mãi mãi.

Dưới đây là phần ba - Trú Địa tu hành. Trong đó chia làm ba phần: 1. Quán các đế; 2. Tập kỹ nghệ; 3. Xuất chướng đạo. Dưới đây là phần một - Quán các đế.

**Kinh:** Tích tập các công đức, quán đủ các đế, đó là khổ Thánh đế,

Tập, diệt, Đạo đế, thế tục, thắng nghĩa, quán vô lượng đế.

Giải thích: “Tập các công đức”: là tích tập vô lượng hạnh nguyện công đức, như Thập Địa Luận quyển bảy nói; Tu tập Bồ-đề tâm đấng Đại nguyện lực tâm. Không mệt mỏi, từ bi không xả bỏ chúng sanh. Đắc Thiện căn lực, tu tập công đức Trí Tuệ hạnh nên không xả bỏ chúng sanh lực không, ngừng nghĩ các hành. Lực chánh tu hành, khởi phương tiện thiện xảo, lực không chán đủ hiểu rõ thượng địa thượng tâm: đắc tha thắng lực chánh thọ nhận Như Lai gia hộ tự đắc thắng: đắc niệm định tuệ.

Dưới đây là phần hai - Tập kỹ nghệ, văn có hai phần: 1. Tập kỹ nghệ.

**Kinh:** Vì lợi chúng sanh, tập các kỹ nghệ, văn tự, y phương, tán vịnh, vui đùa, ta hát công xảo chú thuật, dị luận ngoại đạo, chiêm tướng lành dữ không một sai lầm.

Giải thích: “Vì làm lợi cho chúng sanh mà tập các kỹ nghệ”: là nêu Lợi tha. Kỹ nghệ nghề nghiệp có sai biệt khác nhau.

“Văn tự”: là ghi chép. “Y phương”: là cứu chữa, chữa bệnh.

“Tán thán vịnh”: là văn từ. “Hý hiệu là ca nhạc. “Công xảo”: là điêu khắc, thêu thùa... “chú thuật”: là ẩn tàng, hiểu lộ... “Ngoại đạo dị luận” là mười sáu dị luận. “Cát hung chiêm tướng” Chiêm: nghĩa là Bốc phê. Tướng là xem Tướng mặt, Tướng tay hoặc đoán mộng, xem sao... đều rành rỏi, khéo giỏi. Chiêm tướng có thể biết được cát hung họa phúc, không bao giờ sai lầm.

Dưới đây là phần hai - Hưởng Bồ-đề.

**Kinh:** Nhưng không làm tổn hại chúng sanh mà làm lợi ích, đều khai thị cho họ, dần dần khiến an trú nơi Bồ-đề vô thượng.

Giải thích: Khai mở cái này, chỉ bày cái kia. Các câu văn khác thì dễ hiểu.

Dưới đây là phần ba - Xuất chướng Đạo.

**Kinh:** Biết các thú xuất đạo, và chướng đạo trong các Địa.

Giải thích: Nghĩa là biết các tâm nhập, trú, mãn, Xuất đạo chướng đạo trong các Địa đều biết rõ. Dưới đây là phần ba - Kết. Mãn Địa.

**Kinh:** Ở tâm A-tăng-kỳ kiếp, thường tu Tam muội, khai phát các hạnh.

Giải thích: “Ở tám A-tăng-kỳ” là gia thêm như trên.

“Thường tu Tam muội”: Nghiêng về Thiên Độ. Còn các độ khác thì tùy lực phân. Nương theo Định mà khai phát các hành nguyện.

Dưới đây là phần chín - Hiện tiền Địa. Văn có ba phần như trên.

Dưới đây là phần một - Nêu Tướng nhập Địa.

**Kinh:** Tiếp nữa là Bồ-tát Ma-ha-tát Hiện tiền địa, đắc Thượng thuận nhãn, trú ba môn giải thoát, có thể dứt hết mọi, tập nhân tập nghiệp tướng thô hiện hành nơi ba cõi.

Giải thích: Tướng nhập Địa như kinh Kim Quang Minh nói Địa thứ sáu Bồ-tát thì trước tiên là hiện tướng này: Hồ Hoa bảy báu, có đường bốn cấp, cát vàng trải khắp thanh tịnh không nhơ, rước tám công đức đều đã tràn đầy. Hoa-Ôn-bát-la, Hoa-ba-đầu-ma. Hoa-phân-đầu, Hoa-phân-đà-lợi, tùy xứ trang nghiêm. Ở chỗ hồ hoa, dạo chơi vui vẻ, mát mẻ vô song, Bồ-tát thấy rõ.

“Hiện tiền địa”: hành và pháp tương tục nhau, hiển hiện rõ ràng. vô tướng tư duy, đều đã hiện tiền.

“Đắc thượng Thuận nhãn”; là Trí năng chứng, là Thượng phẩm nhãn.

“Trụ Tam thoát môn”: Như Thập Địa Luận quyển tám nói: Muốn nhập Địa thứ sáu. Phải đắc tất cả pháp tự tính vô tướng bình đẳng. Theo đó, tức là hiển chứng chơn lý Bình đẳng của ba Giải thoát môn.

“Năng tận Ba cõi,..”: là chướng sở đoạn, Năng tận nghĩa là Đoạn dứt hết. Tam giới: là nói về Sở y. Tập Nhân: là câu sinh phiền não và Thức chủng. Tập nghiệp: là các nghiệp chủng của phúc và phi phúc, đều là Nhân thuộc phân đoạn của Tập đế.

“Thô hiện hành tướng”: là Sở tri chướng. Nghĩa là do Địa trước quán về bốn đế: Hai Nhiễm hai tịnh, chấp là có Nhiễm có tịnh, thô tướng hiện hành, làm chướng đạo không có nhiễm tịnh ở Địa thứ Sáu. nghĩa là vô minh đó có hai loại, như kinh Kim Quang Minh nói: 1. Vô minh Quán hành Lưu chuyển. Tức là chấp có nhiễm ở đây; 2. Vô minh Thô Tướng hiện tiền: Tức là chấp Tịnh ở đây. Vì thủ tướng tịnh đó mà Tướng quán nhiều hành, chưa thể nhiều thời trú vô tướng quán, Khi nhập Địa này thì hai vô minh kia và Tập Nhân tập nghiệp đều đoạn dứt mãi mãi.

Dưới đây là phần hai - Trú Địa tu hành. Trong đó chia làm hai phần: 1. Duyên sinh Quán.

**Kinh:** Đại bi tăng thượng, quán các sinh tử, vô minh ám che, nghiệp tập thức chủng, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ ái, thủ, hữu sinh, lão tử, v.v... đều do chấp ngã.

Giải thích: “Đại Bi Tăng thượng, Quán các Sinh tử”: là trước tiên khởi tăng thượng đại bi lợi Sinh mà quán thọ nhận Sinh tử trong các thế gian. Như kinh Thập Địa nói: Chỗ thọ nhận thân sinh ra ở các thế gian

khác nhau đều do bởi chấp trước dính mắc Ngã. Nếu lìa ở Ngã thì không có sinh, lão...

“Vô minh che ám”: là phát nghiệp vô minh, mê ám làm Tính vì che đây Lý chơn thật, là gốc của Sinh tử.

“Nghiệp tập”: Nghiệp là các hành chẳng động phúc và phi phúc Tập là Huân Tập. “Thức chủng”: là nói chung về chủng Báo Thức... ở kết sinh vị thì chủng sinh hiện.

“Danh sắc”: là sơ kết sinh vị, bốn uẩn phi sắc, gọi chung là danh.

“Lục xứ”: là Danh sắc tăng trưởng, có nhãn, nhĩ... sinh ra sáu căn xứ.

“Xúc”: là xúc đối, căn, cảnh, Thức, cả ba hòa hợp lại mà sinh ra.

“Thọ”; là lãnh nạp, Nhân ở xúc mà sinh ra. “Ái”: là làm nhuận Hoặc. Ái tăng lên gọi là thủ, Nghiệp... cả sáu loại tăng trưởng gọi là hữu. Hữu làm Quả, tùy ở các cõi, uẩn khởi thì gọi là Sinh, Suy thoái, thay đổi thì gọi là lão, hư hoại diệt chết thì gọi là tử “.v.v...” là ưu, bi, khổ, não đó. Cũng là hiển về duyên khởi, trường kiếp luân hồi, trị Đạo lúc chưa sinh ra, thường hằng vô tận.

“Đều do chấp ngã”: Bồ-tát Quán trường kiếp Luân hồi kia do bởi có Ngã nên Sinh tử không đoạn dứt.

Dưới đây là phần hai - Tam thoát môn quán.

**Kinh:** Vô minh nghiệp quả, chẳng phải hữu phi vô, nhất tướng vô tướng mà là bất nhị.

Giải thích: “Vô minh nghiệp quả” là vô minh, Ái, Thủ, cả ba là vô minh. Hành có hai chi, thông cả hai nghiệp; năm chi Thức... và bảy chi sinh, Lão, tử là Quả...

“Chẳng phải hữu phi vô”: là không Giải thoát môn. Quán Duyên Sinh, Ngã, pháp chẳng phải hữu, thật Tính thì phi vô. Như Thập Địa Luận quyển tám nói: cứ như vậy mà Quán sát pháp nhân duyên rồi. Không có Ngã tác giả. Tự Tính không, ly, đặc không Giải thoát môn.

“Nhất tướng vô tướng”: là vô tướng Giải thoát môn. Luận đó nói tiếp. Quán hữu chi đó, tự tính diệt, cứ như vậy, không thấy một tí pháp Tướng nào, đặc vô tướng Giải thoát môn.

“Mà là Bất nhị”: là vô nguyện Giải thoát môn. Luận đó tiếp nói: thấy pháp Nhân duyên, không có một tí pháp Tướng nào để có thể sinh nguyện lạc, duy chỉ đại bi giáo hóa chúng sanh đặc vô nguyện Giải thoát môn, Đó tức là hiển bày rõ vô nguyện với cảnh Bi là không hai.

Dưới đây là phần ba - Kết. Viên mãn Địa.

**Kinh:** Ở chín A-tăng-kỳ kiếp, hành trăm vạn Tam muội không, vô

tướng, vô nguyện, đắc tất cả Bát-nhã Ba-la-mật-đa, vô biên ánh sáng tỏa chiếu.

Giải thích: “Chín A-tăng-kỳ kiếp”: Là như trên, gia thêm một kiếp.

“Hành trăm vạn...” Như kinh Thập địa nói, ở mỗi ba Tam muội Môn đều đắc trăm ngàn vạn Tam muội hiện tiền là giống với ở đây.

“Đắc tất cả Bát-nhã...” Đắc là chứng đắc, gặt hái được nghiêng về Tuệ Độ, các độ khác thì tùy phần lực. Vô biên quang chiếu là đạt không, đạt Hữu đều là vô biên. Dưới đây là phần mười - Viễn hành Địa. vẫn có ba phần như trên: 1. Nêu Tướng nhập địa.

**Kinh:** Tiếp nữa là Bồ-tát Ma-ha-tát Viễn hành địa tu vô sinh nhẫn, chứng pháp vô biệt, đoạn dứt tướng hiện hành vi tế của các nghiệp quả.

Giải thích: Về Nhập Địa: Như kinh Kim Quang Minh nói: Bồ-tát địa thứ bảy trước tiên là hiện tướng này. Ở trước Bồ-tát có những chúng sanh đứng thì phải đọa Địa ngục, nhờ lực của Bồ-tát liền không bị đọa không bị tổn thương cũng không bị khủng bố sợ hãi.

“Viễn hành Địa”: là vô lậu vô gián, vô tướng tư duy giải thoát Tam muội, viễn tu hành.

“Tu Vô sinh nhẫn”: là nhẫn thứ tư trong năm nhẫn, nói về Trí Năng chứng là Hạ phẩm nhẫn.

“Chứng pháp vô biệt”: là Như, Sở chứng nghĩa là Chơn như này tuy nhiều giáo pháp, nhiều loại an lập nhưng không khác.

“Đoạn chư nghiệp Quả”: là nói về sở đoạn, các nghiệp quả cảm bởi Địa tiền, đến Địa này đều vĩnh viễn đoạn. “Tướng Hiện hành vi tế” là Sở Tri chướng. Chấp có sinh diệt, Tướng tế hiện hành làm chướng đạo Diện vô tướng của Địa này.

Dưới đây là phần hai - Trú Địa tu hành. Trong đó có hai phần: 1. Diệt định hạnh.

**Kinh:** Trú ở diệt định, khởi hạnh thù thắng, tuy thường tịch diệt, mà rộng hóa chúng sanh.

Giải thích: “Trú ở diệt định”: là Định sở đắc. Thập Địa Luận quyển chín nói: là Tịch diệt Định, còn các luận khác đều gọi đó là diệt Tận định. Kinh Đại Bát-nhã thì gọi là diệt Thọ tướng Định giải thích tên gọi này khiến không thường hành tâm nhiễm ô, tâm sở diệt tận, khiến mệnh thân an hòa, nên còn gọi là Định.

Dưới đây là phần hai - Thị hiện Hành.

**Kinh:** Thị hiện nhập Thanh văn, thường tùy trí Phật, thị hiện đồng

ngoại đạo, thị hiện làm Ma vương, tùy thuận thế gian nhưng thường xuất thế.

Giải thích: “Thị hiện nhập Thanh văn” thị hiện nhập vào Tiểu Thừa nhưng khác với họ chỉ cầu tự độ, mà rộng lợi hữu tình tùy thuận Trí Phật.

“Thị hiện đồng ngoại đạo”: là trước dính các kiến. “Đồng với chúng Ma”: là vui với Sinh tử. “Tùy Thuận thế gian”: là thế gian phàm phu, nhiễm dính điên đảo. Bồ-tát thị hiện giống với họ. “Thường tu xuất thế”: là khiến họ đều đắc xuất thế, đồng một loài để mà hóa.

Dưới đây là phần ba - Kết. Viên mãn Địa.

**Kinh:** Ở mười A-tăng-kỳ kiếp, hành trăm vạn Tam muội, phương tiện thiện xảo, rộng tuyên pháp tạng, tất cả trang nghiêm đều được viên mãn.

Giải thích: “Mười A-tăng-kỳ”: là gia thêm như trên. “Hành trăm vạn Tam muội”: là như Thập Địa luận nói: Bồ-tát Trú Địa thứ bảy này có thể thập trăm ngàn vạn Bồ-tát Tam muội Môn để tịnh trị Địa này. “Thiện xảo phương tiện”: là nghiêng về điều đó. “Rộng tuyên pháp tạng” là lợi lạc tha. “Tất cả trang nghiêm” là Bi, Trí, Hạnh, Nguyện để tự trang nghiêm.

Dưới đây là phần mười một. Bất động Địa. Văn có ba phần như trên: 1. Nêu tướng Nhập Địa.

**Kinh:** Tiếp nữa là Bồ-tát Ma-ha-tát chẳng động địa, trụ vô sinh nhẫn, thể không tăng giảm, đoạn các công dụng.

Giải thích: Về Nhập Địa, Như Kim Quang Minh nói: Bồ-tát địa thứ tám trước tiên là hiện Tướng này, ở hai bên thân, có sư tử vương làm hộ vệ, tất cả các thú vật đều phải sợ hãi. Bồ-tát thấy rõ.

“Chẳng động”: là vô tướng tư duy, tu đắc tự tại, các thành phiền não không thể làm lay động. “Trụ vô sinh nhẫn”: là nói về Trí Năng chứng là trung phẩm nhẫn. “Thể không tăng giảm”: là nói về sở chứng. Thể nghĩa là chứng hội, hoặc tức là chơn như, là thể Tính của các pháp. nghĩa là chơn như này lìa cái chấp về tăng và giảm, không tùy nhiễm tịnh. “Đoạn các công dụng” là chướng sở đoạn. “Công dụng” nghĩa là gia hạnh. Nghĩa là do công dụng khiến cho vô tướng quán không ý khởi. Năm Địa trước thì hữu Tướng quán nhiều, vô tướng quán thì ít. Ở Địa thứ sáu thì hữu Tướng quán ít vô tướng quán nhiều. Trong Địa thứ bảy thì thuần là vô tướng quán, tuy thường tương tục nhưng có gia Hạnh chưa thể tùy ý hiện thân và Thổ, cứ như vậy mà gia hạnh thì làm chướng vô công dụng Đạo trong Địa đó. Về Thể của công dụng đó có hai vô

minh, như Kim Quang Minh nói: 1. Vô minh vô tướng quán công dụng: Nghĩa là chưa đắc tự tại trong vô tướng vì phải nhờ công dụng mới đắc khởi; 2. Vô minh chấp Tướng tự tại: Nghĩa là vì chấp Tướng mà khiến không đắc tự tại ở trong Tướng, vì còn nhiếp một phần tướng quốc độ. “Tướng là gì” Nghĩa là thị hiện tướng thân và tịnh độ đều gọi là Tướng cả hai vô minh đó khi nhập Địa này liền vĩnh viễn đoạn. Trong đó đắc được hai tự tại. Địa này trở lên thuần là vô lậu Đạo, thường nhậm vận tùy ý khởi, phiền não thuộc Ba cõi mãi mãi không còn hiện hành. Trong thức thư bảy mọi sở tri chướng vi tế còn hiện khởi, vì để sinh ra quả trí không, không trái với trên.

Dưới đây là phần hai - Trú Địa tu hành. Trong đó có hai phần: 1. Không có tướng của Thân và tâm; 2. Chư Phật gia trì.

Trong phần một lại có hai phần: 1. không có Tướng Thân tâm.

**Kinh:** Tâm tâm tịch diệt, không tướng thân tâm, giống như hư không.

Giải thích: “Tâm tâm”: Là tâm trước tâm sau, hoặc là tâm, tâm sở. “Tịch diệt” là nói về chứng lý. “Vô tướng thân tâm”, hoặc là thân hoặc là tâm không có chỗ để thi thố, vì tịch lặng chẳng động. Câu trước là nói về tâm, câu sau là nói về Tướng hai thứ khác nhau. “Giống như hư không” là lấy dụ nói rõ chung. Như kinh Hoa Nghiêm nói: Ly tất cả tâm ý thức phân biệt, không còn thủ trước, giống như hư không, nhập tất cả pháp, như Tướng của hư không.

Dưới đây là phần hai - Bất khởi tâm.

**Kinh:** Bồ-tát đó, tâm Phật, tâm Bồ-đề, tâm Niết-bàn, thấy đều không khởi.

Giải thích: Là nói Bồ-tát này, tâm Phật đại bi, tâm Bồ-đề, tâm cầu Niết-bàn, những tâm đó còn chẳng khởi, huống nữa là khởi tâm thuộc về thế gian. Dưới đây là phần hai - Chư Phật gia trì. Trong đó chia làm hai phần: 1. Chư Phật gia trì.

**Kinh:** Do bản nguyện cho nên chư Phật gia trì.

Giải thích: “Do bởi bản nguyện”: là do Bản Thắng nguyện của Bồ-tát đó. Nghĩa là trong Địa nhập vào biển vô tướng, thân tâm tịch diệt. Nếu không có thắng nguyện thì mãi mãi không bao giờ khởi.

“Chư Phật gia trì”: duy chỉ có chư Phật gia hộ nhiếp trì thì có thể khởi tâm thú đến vô thượng. Như kinh Hoa Nghiêm quyển ba mươi tám và Thập địa Luận quyển mười đều nói: Thập phương chư Phật tất là đều hiện tiền cùng cho Trí Như Lai, khuyên bảy điều. Nay theo kinh Hoa Nghiêm nói về bảy điều khuyên là: 1. Khuyên nên hướng đến Quả



Đức: kinh nói: Lành thay! Lành thay! Đây thiện nam! nhân này là Đệ Nhất thuận chư Phật pháp. Mà này, Đây thiện nam! Chúng ta có toàn bộ mười lực vô úy, mười tám Bất cộng, pháp của chư Phật. Con nay chưa đắc, con muốn thành tựu pháp này khuyên con nên phải Gia thêm tín tấn, đừng lại buông xả. Là khuyên tinh tấn với nhân Môn này; 2. Khuyên thương nghĩ chúng sanh: Kinh nói: Lại nữa Đây thiện nam! con tuy đã đắc tịch diệt giải thoát ấy, nhưng chư phàm phu chưa thể chứng đắc, nhiều loại phiền não đều đang hiện tiền, nhiều loại giác Quán thường đến xâm hại, con nên mẫn niệm xót thương những chúng sanh như vậy. Đó là khuyên hóa; 3. Khuyên nhớ bản Thệ: Kinh nói: Lại nữa, Đây thiện nam! Con nên nhớ nghĩa về Bản thệ Nguyệt của mình, làm lợi ích rộng khắp cho tất cả chúng sanh đều khiến được vào cửa trú tuệ chẳng thể nghĩ bàn. Đó là khuyên viên mãn bản nguyện; 4. Khuyên đừng đồng nhĩ thừa: Kinh nói: Lại Đây thiện nam! pháp Tính này, Phật xuất thế hay Phật không xuất thế thì vẫn thường Trú không khác. Chư Phật không phải nhờ đắc pháp đó mà gọi là Như Lai, tất cả Nhĩ Thừa cũng có thể đắc được pháp vô phân biệt đó. Đó là khuyên song tu; 5. khuyên khiến thành (chỉ về sự): Kinh nói: lại nữa, Đây thiện nam! con Quán chúng ta đây Thân Tướng vô lượng, Trí Tuệ vô lượng, Quốc độ vô lượng, phương tiện vô lượng, Quang Minh vô lượng, thanh tịnh Âm thanh cũng vô lượng. Con này nên phải thành tựu pháp đó. Đó là khuyên tu thành; 6. Khuyên đừng sinh thỏa mãn ngừng nghĩ: Kinh nói: Lại nữa, Đây thiện nam! Con nay vừa mới đắc một pháp Minh này, pháp minh đó gọi là tất cả pháp vô sinh vô phân biệt. Đây thiện nam! Còn pháp Minh của Như Lai thì vô lượng nhập, vô lượng tác, vô lượng chuyển, cho đến trăm ngàn ức Na do Tha kiếp không thể biết được. Con nên tu hành thành tựu pháp đó. Đó là khuyên tu khắp; 7. Khuyên phải nên thông đạt: Kinh nói: Lại nữa, Đây thiện nam! Con Quán Thập phương vô lượng Quốc độ; vô lượng chúng sanh, vô lượng pháp, nhiều loại sai biệt khác nhau. Phải nên như thật thông đạt đó là khuyên biết khắp, thuyết bảy điều khuyên rồi. Kinh đó kết rằng: Nếu chư Phật không cho Bồ-tát đó khởi Trí Môn thì Bồ-tát đó lúc ấy sẽ nhập cứu cánh Niết-bàn, vứt bỏ tất cả nghiệp lợi chúng sanh. Đó tức chính là nghĩa của chữ gia trì trong đoạn kinh trên.

Dưới đây là phần hai - Khởi độ lợi ích.

**Kinh:** Trong khoảng một niệm, mà khởi Trí nghiệp, song chiếu bình đẳng, dùng Trí mười lực, hiện bày khắp, đại thiên thế giới không thể nói hết, tùy các chúng sanh đều tạo lợi lạc khắp.

Giải thích: “Trong một niệm khoảnh” là nhờ sự răn bảo rồi, trong một Sát-na. “Mà khởi Trí nghiệp” là nghiệp lợi sinh. “Song chiếu bình đẳng” là song chiếu chơn và Tục, lợi hành bình đẳng. “Dùng Trí Thập lực” một phần giống với trí Thập lực của chư Phật. “Khấp bất khả thuyết đại thiên thế giới”: Tức là trăm vạn vi trần số Phật xát mà phần trước kinh đã nói. “Tùy chư chúng sanh” là hiện thân theo loại, đúng với căn cơ mà làm lợi lạc. Như kinh Hoa Nghiêm nói Trí nghiệp được sinh ra ở trong khoảnh khắc một niệm tất cả các hành tu từ sơ phát tâm cho đến Địa thứ bảy, không bằng một phần trăm trí nghiệp đó. Cũng không bằng một phần trăm ngàn ức na do tha Thí như chèo thuyền vào biển lớn, khi chưa đến biển thì phải dùng nhiều sức lực, nếu vào giữa biển rồi thì chỉ theo gió mà đi, không cần sức người mà thuyền vẫn chạy trên biển, một ngày đi được so với khi thuyền chưa vào biển, giả sử trải qua cả trăm năm cũng không bằng Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, tích tập rộng lớn thiện căn tư lượng, người con thuyền Đại Thừa đến biển hạnh Bồ-tát trong khoảnh khắc một niệm nhờ vô công dụng Trí mà nhập vào cảnh giới của Nhất-thiết-trí trí. Công Dụng hạnh vốn có, trải qua vô lượng trăm ngàn ức Na do tha kiếp, đều không bằng được.

Dưới đây là phần ba - Kết. Viên mãn Địa.

**Kinh:** Ở ngàn A-tăng-kỳ kiếp, đầy đủ trăm vạn đại nguyện, tâm tâm hưởng nhập Nhất thiết chủng, Nhất-thiết-trí trí.

Giải thích: “Ở ngàn A-tăng-kỳ kiếp” là vượt con số trước, như ba vô số kiếp của Du-già đã nói ở trên. Địa này mới bắt đầu nhập vào kiếp thứ ba, cho nên khác với trước, tuy là vẫn trước sau con số có nhiều ít nhưng thời gian trải qua trọn ba kiếp thì không khác. “Đầy đủ trăm vạn đại nguyện” là hạnh và nguyện cùng dưỡng nhau, cho nên bảo là mãn túc đầy đủ, nghiêng tăng về Nguyện độ các độ khác thì tùy phần. “Tâm tâm thú nhập” là tu không gián đoạn “Nhất thiết chủng, Nhất-thiết-trí trí” trước là Tục sau là chơn. Dời chữ Trí ở sau đặt ở chữ Chủng là kết chỗ thú đến.

Dưới đây là phần mười hai - Thiện Tuệ Địa. Văn có ba phần như trên.  
1. Nêu tướng nhập Địa.

**Kinh:** Tiếp nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát Thiện tuệ địa, trụ thượng vô sinh nhẫn, diệt tướng tâm tâm chứng Trí tự tại, đoan chương vô ngại.

Giải thích: Về nhập Địa, như kinh Kim Quang Minh nói: Bồ-tát địa thứ chín trước tiên hiện Tướng này; chuyển luận Thánh vương, vô lượng ức chúng vây quanh cúng dường. Long trắng che trên đánh đầu được trang nghiêm bởi vô lượng các báu. Bồ-tát thấy rõ.

“Thiện Tuệ Địa”: là thuyết về nhiều loại sai biệt khác nhau của Tất cả pháp đều đắc tự tại, không khó khăn không mệt mỏi, Tăng trưởng trí Tuệ, tự tại vô ngại. “Trú thượng vô sinh nhân diệt tâm tâm tướng” là nói về trí Năng chứng, là Trú thượng phẩm nhân. Niệm niệm tịch diệt vô tướng làm Tướng. “Chứng trí tự tại” là như, Sở chứng. Do chứng chơn như mà trí đắc được tự tại. Nghĩa là: Nếu Địa này đã chứng chơn như rồi thì với vô ngại giải mà đắc tự tại. “Đoạn vô Ngại chướng”: là chướng sở đoạn. Bồ-tát nơi địa này đắc vô ngại giải, do bởi chướng làm chướng ngại vô ngại giải đó, cho nên gọi là vô ngại chướng. Vô minh của chướng đó có hai loại, như kinh Kim Quang Minh nói: 1. Vô minh ở nghĩa sở thuyết và danh cú văn, cả hai vô ngại đó chưa thiện xảo. Nghĩa sở thuyết”: là nghĩa vô ngại. “Danh cú văn”: là pháp vô ngại. Cả hai thứ đó mỗi thứ đều có vô lượng sự sai biệt khác nhau, gọi là vô lượng vì chưa đắc thiện xảo với hai loại đó; 2. Vô minh với từ ngữ biện tài, không tùy ý. Vô minh từ ngữ nghĩa là không có từ ngữ làm trở ngại Biện tài vô ngại, nhưng do vô minh cho nên không được tùy ý. Cả hai vô minh đó là chướng ở Địa này. Bốn vô Ngại giải không đắc tự tại, khi nhập Địa thứ chín liền đoạn dứt mãi mãi. Dưới đây là phần hai - Trú Địa tu hành. Trong đó chia làm hai phần: 1. Vô Ngại giải; 2. Lợi chúng sanh.

Trong phần một lại có hai phần: 1. Hộ pháp Tạng.

**Kinh:** Đủ đại thần thông, tu lực vô úy, khéo hộ trì được pháp tạng chư Phật.

Giải thích: “Đủ đại Thần thông” là nói đã đắc. “Tu lực vô úy”: là nói về tu tập. “Khéo thủ hộ được pháp tạng chư Phật”: bốn vô ngại giải là pháp tạng của Phật khéo trì thuyết là Thủ hộ, hoặc là ở trong bốn vô ngại giải; đắc loại thứ nhất và thứ hai (nghĩa và danh cú văn) là Phật pháp Tạng, đắc hai loại sau Từ ngữ và biện tài là năng Thủ hộ. Như kinh Hoa Nghiêm nói: Làm Đại pháp sư, có đủ Hạnh của pháp sư, khéo thủ hộ được pháp Tạng của Như Lai, dùng Trí thiện xảo mà khởi bốn vô ngại dùng ngôn từ của Bồ-tát mà diễn thuyết. Theo ý của kinh đó thì Thập nhị phần giáo là Phật pháp tạng, có đủ hai lợi là Năng Thủ hộ, khởi bốn vô ngại là sự lợi lạc.

Dưới đây là phần hai - Vô ngại giải.

**Kinh:** Đắc vô ngại giải: Pháp, nghĩa, Từ, Biện, diễn thuyết chánh pháp không dứt, không hết.

Giải thích: “Đắc vô Ngại giải” đến Địa này thì gặt hái được Trí vô Ngại gọi là Đắc như phần giải thích về vô tánh trong Nhiếp Đại Thừa

Luận nói: bốn vô Ngại giải thông cả định tuệ và pháp tâm tâm sở tương ứng làm tự tính. “Pháp, nghĩa, Từ Biện”; “pháp”: là biết tự Tướng của các pháp. “Nghĩa” là biết sai biệt của các pháp. “Từ” là nói không lầm lẫn, “Biện” là thuyết không bao giờ dứt hết, Như Thập Địa luận nói: khẩu nghiệp thành tự. “Diễn thuyết chánh pháp không dứt không tận” là Biện vô Ngại.

Dưới đây là phần hai - Lợi chúng sanh.

**Kinh:** Trong khoảng khắc một Sát-na, ở trong các thế giới không thể nói hết được, tùy các chúng sanh, tất cả thắc mắc một âm giải thích, khiến cho hoan hỷ.

Giải thích: “Tùy chư chúng sanh”: là các cõi người, Trời...

“Tất cả thắc mắc” theo âm thanh tiếng nói của mỗi loài, nhiều loại danh nghĩa mà thắc mắc vấn nạn.

“Một âm giải thích”: Năng giải là từ và biện, Sở giải là pháp và nghĩa. “Khấp khiến Hoan hỷ” tùy theo chủng tích, lợi căn trung căn, độn căn phổ khắp được ích, khiến cho Hoan hỷ, như kinh Thập Địa nói: Bồ-tát đó ở một chỗ Phật, dùng mười A-tăng-kỳ trăm ngàn Đà-la-ni môn nghe nhận pháp đó, ở vô lượng vô biên chỗ chư Phật khác, cũng lại như vậy. Bồ-tát đó, ở trong khoảng thời gian một niệm, hoặc một đại thế giới hoặc hai, ba, bốn, mười trăm, ngàn vạn ức thế giới, hoặc mười ức trăm ức, ngàn vạn ức Na do tha, cho đến số Đại Thiên Thế giới không thể nói, không thể nói, chúng sanh đầy cả trong đó, với khoảng thời gian một niệm, chỉ dùng một âm đều khiến khai hiểu, tức là ở trong một Danh, câu chữ mà thuyết tất cả các Danh, câu, chữ. Ở trong một nghĩa mà thuyết tất cả nghĩa. Trong âm thanh tiếng nói của một phương mà hiện tất cả âm tiếng. Ở trong một pháp đều ứng đúng với căn, diễn thuyết vô tận, gọi là vô Ngại giải. Dưới đây là phần ba - Kết. Viên mãn Địa.

**Kinh:** Ở vạn A-tăng-kỳ kiếp, hiện trăm vạn hằng hà sa thần lực của chư Phật nơi pháp tạng vô tận, lợi ích viên mãn.

Giải thích: “Ở vạn A-tăng-kỳ”: là thời gian trải qua vượt con số của Địa trước. “Hiện Trăm vạn...”: là hiện thần lực chư Phật, tức nói Thần thông. Bồ-tát này, trong mười Độ thì nghiêng về Lực Độ. “Vô tận pháp tạng”: là bốn vô Ngại giải, Rộng Làm lợi lạc.

Dưới đây là phần mười ba nói: Pháp vân Địa. Trong đó chia làm ba phần: 1. Nêu nhập Địa Tướng; 2. Trụ Địa tu hành; 3. Kết. Mãn vị. Dưới đây là phần một - Nêu Tướng Nhập Địa.

**Kinh:** Tiếp nữa là Bồ-tát Ma-ha-tát Pháp Vân Địa, vô lượng trí

tuệ, tư duy quán sát, từ phát tín tâm, trải qua trăm vạn A-tăng-kỳ Kiếp, rộng tập vô lượng trợ đạo Pháp, tăng trưởng vô biên đại phước trí, chứng nghiệp tự tại, đoạn chướng thần thông.

Giải thích: Về nhập Địa: Kinh Kim Quang minh nói: Bồ-tát địa thứ mười, trước tiên hiện tướng; thân của Như Lai, Kim sắc huy hoàng, vô lượng Tịnh Quang đều đã viên mãn, có vô lượng ức phạm vương vây quanh, cung kính cúng dường, chuyển ở vô thượng vi diệu pháp luân, Bồ-tát thấy rõ.

“Pháp vân Địa”: là pháp thân Như hư không, trí tuệ như đám mây lớn, đều có thể che đầy khắp tất cả. hai chữ Pháp vân là tên gọi riêng của Trí Như. Duy thức luận nói: Mây trí đại pháp, ngậm nước các đức. “Vô lượng trí tuệ tư duy quán sát”. Đó tức là gia hạnh, quán sát khắp. “Từ phát tín tâm”: là nêu tối sơ. “Trải trăm vạn A-tăng-kỳ kiếp” là thời gian đã trải qua khi đạt viên mãn Địa thứ chín. “Rộng tập vô lượng trợ đạo pháp”: là nói về đã tu tập tất cả hạnh nguyện, pháp để trợ đạo. “Tăng trưởng vô biên Đại phước trí”: là nói đã tăng trưởng phước trí rộng lớn. Quán sát như vậy, dẫn đến trí năng chứng, chứng Tịch diệt nhãn, mà nhập vào Địa này. “Chứng nghiệp tự tại”: là nói về sở chứng. nghĩa là, Trong Địa này, Chơn như đó khắp ở tất cả thần thông, tác nghiệp, tổng trì định môn đều trị tại. Tuy ở trong Địa thứ mười mà Chơn Như không có riêng khác tùy theo Hạnh năng chứng mà giả đặt Tên gọi. “Đoạn Thần Thông chướng”: là chướng sở đoạn (chướng bị đoạn dứt). Thần Thông chướng là dựa theo nghĩa chính mà đặt tên gọi. Thông chướng Địa này khiến chư pháp không được tự tại, cũng làm chướng ngại mây Trí Đại pháp và những sự nghiệp hàm tăng được khởi. Đây có hai loại vô minh như kinh Kim Quang Minh nói: 1. Vô minh với đại thần thông chưa đắc tự tại biến hiện, tức chính là chướng những sự nghiệp khởi ở trong đó, câu này đúng thì phải nói thế này: vô minh với đại thần thông biến hiện chưa đắc tự tại, như vậy vẫn mới thuận; 2. Vô minh về vi tế bí mật chưa thể hiểu ngộ sự nghiệp, tức là làm chướng ngại mây trí đại pháp và những hàm chứa trong ấy, Do cả hai vô minh làm chướng Thần Thông, khi nhập vào Địa này liền vĩnh đoạn.

Dưới đây là phần hai - Trụ Địa tu hành. Trong đó có ba phần: 1. Hạnh lợi tha.

**Kinh:** Trong khoảng một niệm, khắp mười phương trăm vạn ức A-tăng-kỳ thế giới vi trần số quốc độ đều biết tâm hành nơi căn thượng trung hạ của tất cả chúng sanh, vì họ thuyết giảng pháp ba Thừa, khiến đều tu tập Ba-la-mật đa.

Giải thích: “Trong khoảnh một niệm...”: là nói về khi năng hóa khắp cả quốc độ giáo hóa hữu tình đúng căn được ích, theo pháp đều tu tập. Dưới đây là phần hai - Tu chuyển y.

**Kinh:** Nhập hành xứ, lực, vô sở úy của Phật tùy thuận Như lai, tịch diệt chuyển y.

Giải thích: “Nhập hành xứ, lực vô sở úy của Phật”. Nhập: nghĩa là chứng Nhập hoặc là hưởng nhập, chứng chơn lợi lạc hành xứ của Phật. Lực vô sở úy... là công đức bất động đều hướng vào. “Tùy thuận Như Lai Tịch diệt chuyển y”: là những chuyển y do tu tập Quả vị. Chuyển: là chuyển dịch. Y: là Sở y. chuyển đổi sự kém cỏi đặc sự thắng tốt là nghĩa của chuyển y. Nhưng chuyển y đó có sáu loại khác nhau như Duy Thức Luận nói: 1. Chuyển tổn lực ích Năng; ở ngôi vị Tam Hiền, do nhờ tu tập thắng giải và hổ thẹn làm tổn thế lực nhiễm chủng trong Bản thức, làm ích công năng tịnh chủng trong bản thức, dần dần chế phục hiện hành gọi là chuyển; 2. Chuyển thông đạt: nghĩa là ở ngôi vị sơ địa, do lực của kiến đạo và thông đạt chơn như, đoạn dứt hai chướng thô trọng do phân biệt sinh ra, chứng đắc một phần chơn thật chuyển y; 3. Chuyển Tu Tập: nghĩa là chuyên thông cả địa thứ mười do bởi tu tập nhiều hạnh thập địa dần dần đoạn dứt hai chướng thô trong câu sinh, dần dần chứng đắc chơn thật chuyển y. 4. Chuyển Quả viên mãn: nghĩa là ở Ngôi vị cứu cánh cuối cùng, do bởi ba Đại A-tăng-kỳ kiếp tu tập vô biên, Hạnh thù thắng hạnh khó làm khi Kim cang Định hiện tiền rõ ràng thì mãi mãi đoạn dứt tất cả thô trọng, chứng ngay Phật Quả, viên mãn chuyển y cùng tận vị lai, lợi lạc vô tận; 5. Chuyển hạ liệt: nghĩa là ngôi vị nhĩ thừa chuyển cầu tự lợi, chán ghét khổ đau, vui thích tịch lặng không có sự kham năng chịu đựng, gọi là chuyển hạ liệt; 6. Chuyển quảng đại: nghĩa là Ngôi vị Đại thừa vì Lợi Tha cho nên hưởng Đại Bồ-đề. Sinh tử hay Niết-bàn đều không chán ghét hay yêu thích. Có sự kham nhẫn Tốt, gọi là chuyển Quảng Đại.

Dưới đây là phần ba - Phục diệt đốn tiệm. Trong đó chia làm hai phần: 1. Phục, diệt khác nhau; 2. Thấy Đốn, Tiệm trong phần một lại chia làm ba phần: 1. Nêu chung về phục vị.

**Kinh:** Này người thiện nam! Từ Tập nhẫn đầu tiên đến Định Kim cang đều gọi là điều phục tất cả phiền não.

Giải thích: “Từ sơ Tập nhẫn”: là nêu đầu tiên. “Đến Kim cang Định”: là nêu cuối cùng. Nêu từ đầu tiên cho đến cuối cùng là nói về phục đó. “Phục” là như trong các đoạn văn khác. Thế đạo gọi là phục, điều phục phiền não hiện Thánh đạo thì gọi là đoạn, đoạn dứt phiền não

chúng, chữ phục ở Địa này hợp với hai đạo trên đều gọi là phục. Đối với Ngôi vị Kim cang Định thì dùng chữ phục thuộc Thánh đạo. Tuy là hai chương thô phẩm không còn nữa, nhưng vi tế phục là chủng do bởi chưa đoạn dứt, cho nên bảo là phục. Như trong khởi Tín Luận: trước khi Đoạn chuyển Thức, gốc ngọn vô minh cũng gọi chung là Đoạn, nhưng vì vọng Bản Bất giác, cho nên gọi là phục. Như Bản ký nói: Từ Sơ Thập Tín đến Kim cang Định, chưa đoạn dứt A-lai-da-thức, một Sát-na còn tồn tại cho nên nói là phục tất cả phiền não.

Dưới đây là phần hai - Nói riêng về Đoạn diệt.

**Kinh:** Tín nhãn vô tướng, chiếu Thắng-nghĩa-đế diệt các phiền não. Sinh Trí giải thoát.

Giải thích: “Vô tướng Tín nhãn”: là nhập sơ địa, chơn kiến đạo. Trí chứng chơn như, cho nên bảo là vô tướng là sơ Tín nhãn. “Chiếu Thắng-nghĩa-đế”: là chứng Như. “Diệt các phiền não”, hai chương nên gọi là các. Thể đều là vô minh gọi chung là phiền não kiến Đạo sơ đoạn cho nên gọi là diệt. Trước so với câu sinh nên gọi chung là phục, đó là dựa theo phân biệt đương Thể diệt. “Sinh giải thoát Trí”: Nghĩa là quán pháp không sinh quán sát bình đẳng Trí phẩm, gọi là giải thoát Trí. Lại tức là pháp thân Bồ-tát vị Thủy Giác trong Khởi Tín Luận.

Dưới đây là phần ba - Cứu cánh diệt.

**Kinh:** Dần dần phục, diệt, dùng tâm sinh diệt, đắc không sinh diệt, tâm đó nếu diệt thì vô minh diệt.

Giải thích: Ở đây có hai nghĩa, có thuyết nói: “Dần dần phục diệt”. Theo Duy Thức quyển mười trong tu sở đoạn phiền não liền phục, sở tri liền diệt, ở trong địa thứ mười mỗi Địa đều vậy, cho nên bảo là tiệm tiệm, hơn nữa, tất cả những hiện khởi của phiền não chương, Địa tiền thì dần dần phục Sơ Địa trở lên thì đều hàng phục hết, tùy theo những tương ứng với Trí chương ở các Địa như sơ Địa thì Tham. Nhị Địa là Sân... mỗi Địa đều phục, chủng tử của những chương đó đến Kim cang Định tất cả đều được nhanh chóng, như tất cả những hiện khởi của Sở Tri chương, Địa tiền thì tiệm phục, cho đến Địa thứ mười mới vĩnh viễn đoạn dứt hết. Địa thứ tám trở lên sáu thức câu sinh đều không còn hiện hành vì vô lậu Quán tâm và Quả tương tục ngược lại với chúng, câu sinh với Thức thứ bảy còn có thể hiện hành đến quả trí pháp “không” khởi lên mới phục. Năm chuyển Thức trên giả như chưa chuyển y, vô lậu phục nên chương không hiện khởi, nhưng chủng tử của những chương đó, ở trong địa thứ mười dần dần theo thứ tự mà đoạn diệt, đến Kim cang Định mới vĩnh viễn đoạn dứt hết. Phục và diệt hai

chương có những khác nhau như trên.

“Dùng tâm sinh diệt”: là Trí Năng chứng. “Đắc vô sinh diệt”: là Như sở chứng. “Tâm đó nếu diệt thì vô minh diệt”. Đó là tâm tập khởi, tức là tập khí vô minh thức thứ tám thường nương vào tâm đó. Ngôi vị tâm vô lậu thì Thức hữu Lậu diệt vì những chủng tử vô minh kia đều đã diệt.

Có thuyết nói: “Dần dần phục diệt”, theo khởi Tín Luận: là từ ngọn mà hướng về gốc, như người phạm phu vì hiểu biết niệm trước khởi ác nghiệp nên có thể ngừng niệm sau khiến nó không khởi, tuy lại gọi là Giác nhưng chính là Bất giác. Nhị thừa quán trí, mới Bồ-tát phát ý là vị tương tựa với giác vị, giác ngộ niệm khác không có tướng khác, xả phân biệt Thô, gọi là dần dần phục. Sơ Địa trở lên pháp Thân Bồ-tát tùy phần giác ở Niệm. Niệm không có Tướng Trú gọi là dần dần diệt, gọi chung là dần dần phục diệt. “Dùng tâm sinh diệt đắc vô sinh diệt”: là dùng tùy phần giác tâm của sinh diệt, tu chứng không ngừng mà đắc đến cứu cánh vô sinh diệt. “Tâm đó nếu diệt thì vô minh diệt”: như hết Bồ-tát Địa trong ngôi vị Đẳng giác, khi Kim cang Dụ Định hiện rõ tại tiền đầy đủ phương tiện thì tức là phương tiện Đạo một niệm tương ứng tức vô gián đạo, tướng đầu tiên của tâm giác ngộ tức là nghiệp Tướng nhân ở vô minh căn bản mà nghiệp Tướng động niệm, nghiệp Tướng tâm diệt thì vô minh diệt.

Dưới đây là phần hai - Kiến độn tiệm.

**Kinh:** Trước định Kim cang, vốn có các tri kiến đều không gọi là kiến, chỉ có Phật một lúc hiểu ngay, đủ Nhất-thiết-trí, thì tất cả tri kiến đó mới được gọi là kiến.

Giải thích: “Trước định Kim cang”: là trước ngôi vị Đẳng giác. “Toàn bộ tri kiến”: là chứng Chơn đạt tục, Tuệ tri kiến. “Đều không gọi là kiến”: vì Trí phẩm chưa đủ, hiểu biết giác ngộ chưa trọn vẹn, nên không gọi là kiến. “Duy chỉ Phật một lúc hiểu ngay, có đủ Nhất-thiết-trí, thì Tri kiến đó mới đắc gọi là kiến tức đủ cả bốn Trí phẩm, hiểu biết giác ngộ viên mãn tốt cùng nên gọi là kiến.

Hỏi: Phật Trí dần dần viên mãn, vì sao lại gọi là đốn? (Một lúc ngay).

Đáp: Phạm luận về tiệm đốn thì có bốn loại: 1. Giáo tiệm đốn; phương tiện thì thuyết có ba. Nói thẳng thì chỉ có đại thừa; 2. Lý Tiệm Đốn: vì theo thứ tự dần dần ngộ nhập và chiếu Thật Tính; 3. hành tiệm đốn; Nhị thừa hồi tâm và thẳng đến; 4. Quả tiệm đốn: hai Trí phẩm trước dần dần theo thứ tự và viên mãn. Như gương trí phẩm hoàn hảo



một lúc đầy đủ hình tượng. Thể của Niết-bàn Sở chứng chẳng có Tiệm hay đốn, đó là nói theo trí năng chứng, cũng không sai. Lại nữa, Bồ-đề vô thượng theo với tiệm tu mà viên tròn. Tính tịnh Bồ-đề thì vốn đã Mãn túc. Nay ở đây, quả vị Phật quả, giải Lý viêm cực, mộng tưởng đều hết. Giác biết tự tâm vốn không lưu động nay vô sở Tịnh, thường tự một tâm, trú giường Nhất Như, Như kinh Kim cổ nói: Trong mộng qua sông đến bờ bên kia rồi tức gọi là kiến ấy.

Dưới đây là phần ba - Kết. Vị viên mãn. Văn lại chia làm hai phần: 1. Đăng giác; 2. Phật Quả.

Trong phần một lại có hai phần: 1. Đăng giác vị.

**Kinh:** Nay người thiện nam! Khi Kim cang Tam muội hiện tiền rõ ràng, nhưng vẫn chưa thể ngang bằng vị vô đẳng đẳng.

Giải thích: Ở vị Đăng giác có sơ vị và hậu vị. Đây là Hậu vị. Nghĩa là: Bồ-tát đó, trú đệ tứ Thiên, cung Đại Tự Tại có quốc độ diệu tịnh. Như Thập Địa Luận quyển một nói: Tịnh độ do tự tâm của Bồ-tát Địa thứ Mười biến ra. Có hai loại: Nếu tịnh độ do Thức thứ tám biến ra, là còn thuộc về hữu lậu thức tướng phần. tuy được tu huân do Thiện lực vô lậu nhưng tướng tịnh Diệu đó là khổ đế nhiếp. Nếu theo tâm vô lậu Hậu đắc mà biến ra hình ảnh tịnh độ thì đó là vô lậu, từ chủng tử vô lậu Thiện mà sinh ra Thể là vô lậu, thuộc về Đạo đế. Ở trong Thổ đó mà tu giác. Như kinh Anh Lạc nói: Đăng giác Bồ-tát dùng Đại nguyện lực Trú thọ trăm kiếp tu ngàn Tam muội ngàn kiếp học oai nghi Phật, vạn kiếp học hóa hiện của Phật. Từ đoạn này trở về trước là nói về những tu hành thuộc vị Đăng giác.

“Sắp thành chánh giác, khởi Kim cang Tam muội”: như Thập Địa Luận quyển mười và kinh Hoa Nghiêm quyển ba mươi chín đều nói: Bồ-tát Ma-ha-tát nhập Thọ Thức Địa đã đắc trăm vạn A-tăng-kỳ Tam muội đều hiện tiền rõ ràng. Tam muội cuối cùng tên là Thọ Nhất-thiết-trí Thắng chức vị, Tam muội đó hiện có Đại Bảo Liên hoa bỗng nhiên xuất sinh, Hoa đó rộng lớn ngang bằng với trăm vạn Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, dùng nhiều diệu báu trang nghiêm xen lẫn, vượt quá tất cả cảnh giới tất cả thế gian là sự sinh khởi do Thiện căn xuất Thế. Thường phóng hào quang chiếu khắp cả pháp giới, số hoa sen nhiều như số bụi trần của Tam thiên Đại Thiên Thế giới làm quyến thuộc. Bấy giờ, thân thù diệu của Bồ-tát đó ngồi trên tòa Hoa đó, Tướng của thân lớn hay nhỏ vừa hợp với hoa. vô lượng Bồ-tát làm quyến thuộc mỗi vị đều ngồi trên các Hoa sen còn lại, vây nhiều chung quanh mỗi một vị đều đắc trăm vạn Tam muội, hưởng về Đại Bồ-tát nhất tâm kính

ngưỡng, toàn bộ hào quang và tiếng nói của Bồ-tát đó và quyến thuộc, tràn đầy khắp cả mười phương pháp giới. Tất cả thế giới đều chấn động cõi Ác dùng tất Quốc độ nghiêm tịnh những Bồ-tát cùng hạnh đều đến tu tập. Dưới chân Bồ-tát đó phóng hào quang chiếu các Địa Ngục. Đầu gối phóng hào Quang chiếu các cõi Súc Sinh. Vùng rốn phóng hào Quang chiếu cõi giới Diêm la, hai sườn phóng hào quang chiếu các cõi người, hai tay phóng hào Quang chiếu cõi Thiên và Tu la. hai vai phóng hào quang chiếu khắp Thanh văn, đỉnh lưng phóng hào quang chiếu Bích chi Phật mặt phóng quang chiếu sơ phát tâm cho đến Bồ-tát địa thứ chín giữa chặng mây phóng quang chiếu khắp cả Bồ-tát thọ chức ở mười phương, trên đỉnh đầu phóng Quang chiếu khắp tất cả đạo tràng của chư Phật ở Mười phương rồi nhiều phải mười vòng, trú giữa trong hư không, thành cõi hào Quang, mưa đồ trang nghiêm để cúng dường. Lại nhiều mười vòng từ dưới chân các Như Lai mà vào. Bấy giờ chư Phật và chư Bồ-tát biết ở Thế giới nào đó, Bồ-tát Ma-ha-tát nào đó đến thọ nhận chức vị. Các Bồ-tát kia đều đến quan sát, mỗi vị đều đạt được mười ngàn Tam muội, giữa mây của tất cả chư Phật xuất ra hào quang chiếu khắp tất cả Thế giới mười phương, nhiều quanh phải mười vòng thị hiện Phật sự; mà đến trên Hội của Bồ-tát đó. Nhiều phải chung quanh thị hiện nhiều loại sự việc trang nghiêm xong, từ đỉnh đầu của Đại Bồ-tát mà nhập vào, đăc trăm vạn Tam muội mà trước đây chưa từng đăc, gọi là đă thọ chức ngôi vị. Như Thái tử do chuyển Luân vương sinh ra. Mẹ là Chánh hậu, Thân Tướng đầy đủ, Vua bảo Thái tử ngồi tòa báu vàng thù diệu voi trắng, lưới màn tràng phan, rải hoa tấu nhạc, lấy nước bốn biển chứa trong bình vàng, vương cầm bình đó, rưới đầu Thái tử. Lấy ấy tức gọi là thọ chức vị vua. “Khi Kim cang Tam muội hiện tiền rõ ràng”: tức phần trước sinh nói; đăc Tam muội sau cùng chưa từng đăc trong trăm vạn Tam muội trước đây, nương theo Định thù thắng đó mà khởi vô gián Đạo, đoạn vi tế chướng, đây có hai nghĩa: có thuyết nói: Đây là đoạn chướng của Địa thứ mười một, Như Lai Địa. Có hai vô minh. Như kinh Kim Quang Minh nói: 1. Vô minh với tất cả cảnh vi tế Sở tri chướng Ngại. Tức chính là sở tri chướng vi tế ở trong đó; 2. Vô minh cực tế phiền não thô trọng: tức chính là tất cả chướng phiền não ở dạng chủng tử tùy tiện. Hai vô minh đó làm chướng Phật Địa. Khi vô giáo đạo, những thứ đó bị đoạn xả mà Bản Thức chủng hiện. Có thuyết nói; đoạn là Như khởi Tín Luận, duy chỉ Tướng của tâm diệt, chứ chẳng phải thể của tâm diệt. Diệt tức là đoạn. Tự Tướng tâm thể, nêu Thể là vô minh kia khởi. Đó là kích tịnh khiến động, chẳng phải là

nói vô tâm khiến làm, Nhân động của tức có tâm chính là vô minh khởi thành nghiệp tướng. Nay ở ngôi vị Đẳng giác, đoạn dứt gốc vô minh. Căn bản vô minh đã hết thì Tướng động cũng diệt theo. Nhưng chỉ diệt Tướng tâm không diệt Thể tâm. Hai thứ khác nhau là: trước là đoạn dứt chuyển Thức, sau là đoạn dứt Bản Thức. Hợp cả hai đoạn văn, mà chọn nghĩa phù hợp.

“Nhưng chưa thể ngang bằng vị vô đẳng đẳng”: Vị này còn kém chưa thể ngang bằng với Phật. Phật thì siêu vượt ngôi vị này cho nên gọi là vô đẳng. Đạo của chư Phật thì ngang nhau, cho nên gọi là đẳng đẳng.

Dưới đây là phần hai - Nêu dụ giải thích thành.

**Kinh:** Thí như có người lên đài cao lớn, nhìn khắp tất cả, không gì là không rõ.

Giải thích: “Lên đài cao”: là ở đỉnh, vị cao nhất của Bồ-tát như trên đỉnh. Dưới đây là phần hai - Quả vị Phật.

**Kinh:** Vị giải thoát, nhất tướng vô tướng, không sinh không diệt, đồng chơn tế, đẳng pháp tính, đầy tạng công đức, trụ Như Lai vị.

Giải thích: “Vị giải thoát”: là đạo giải thoát. Bản Thức chùng hiện, vô lậu kém cõi và vi tế chướng bị đoạn dứt, bị vứt bỏ. Vô gián giải thoát như trên đã nói; “Nhất Tướng”: tức là Tịnh pháp giới một chơn Tướng “vô tướng”: là bốn Trí tâm phẩm, tùy chứng Như thường vô tướng. “Không sinh không diệt”, Thể tuy là tướng tục, nhưng thường hợp bằng Như, không có gián đoạn. “Đồng chơn Tế”: là Trí ngang với Như. “Đẳng pháp Tính”: là không biến đổi. “Đầy công đức Tạng”: là công đức hữu vi đầy thân Trí đức. Công đức vô vi tính tự đầy mãn. “Trụ Như Lai vị”: là vị đã viên mãn.

Dưới đây là phần hai - Kết. Thọ trì. Trong đó có hai phần: 1- Kết. Thọ trì; 2. Tin hiểu. Dưới đây là phần một. Kết. Thọ trì.

**Kinh:** Nay người thiện nam! Như vậy, chư Bồ-tát Ma-ha-tát, thọ trì giải nói đều đi đến mười phương cõi nước của chư Phật, lợi an hữu tình, thông đạt thật tướng, như ta ngày nay, ngang bằng không khác.

Giải thích: “Như vậy...” là kết chung phần trên. Thọ trì giải thuyết đến các cõi Phật, lợi lạc so với Phật thì có hơn kém khác nhau nhưng về phần hóa lợi thì giống nhau, cho nên bảo là không khác.

Dưới đây là phần hai - Kết. Tín giải. Trong đó có hai phần: 1. Trường hàng hiển thị; 2. Thuyết kệ tỏ lại. Dưới đây là phần một - Trường hàng hiển thị.

**Kinh:** Nay người thiện nam! Thập phương pháp giới, tất cả Như

Lại đều nương theo môn này mà được thành Phật. Nếu nói vượt đây mà được thành Phật, đó là Ma nói, chẳng phải là Phật thuyết. Do đây, các ông nên như vậy biết, như vậy thấy, như vậy tin, hiểu.

Giải thích: “Đều nương theo Môn này”: là nêu rõ đồng tu. “Nếu nói vượt đây...”: là chẳng phải Phật thuyết. “Do đó...” là khuyên sinh chánh giải. “Thấy...” như Trí Luận nói: Nếu Trí nương dựa y chỉ ở Xa-ma-tha gọi là biết, nương vào Ty-bát-xá-na gọi là kiến. Cả hai thứ đó y chỉ vào Tam Ma Đề cho nên là Trí giải. Vì Tam Ma Đề tác dụng tự tại, cởi mở duyên níu ở bên trong do có hình ảnh nên gọi là Thắng giải.

Dưới đây là phần hai - Thuyết kệ nói lại. Trong đó chia làm hai phần:  
1- Nêu Phật thuyết kệ.

